

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

S. Q. D. 599-C.7
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG



Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 1500170900 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 10 năm 2009.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Đăng ký niêm yết số: ^{20/2010}...../QĐ – SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày ¹⁰ tháng ¹⁰ năm 2010)

TỔ CHỨC TƯ VẤN :

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Trụ sở chính: Số 38, đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: (84.70) 3822 512 Fax: (84.70) 3823 773 Website: www.vinhlongfood.com.vn

Email: vinhlongfood@hcm.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 3914 3588 Fax: (84.8) 3914 3209 Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội: Số 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 46262 6999 Fax: (84.4) 6278 2688

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: PHAN NGỌC BÌNH

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng

Điện thoại liên hệ: 0919 191 969

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 54.0.3.000041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp cho đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 1500170900 (số CNĐKKD cũ: 54.0.3.000041) thay đổi lần 5 ngày 27/10/2008, thay đổi lần thứ 9 ngày 10/10/2009.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỜ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010)

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long.
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng niêm yết : 10.400.000 cổ phần.
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: 104.000.000.000 đồng.



TÓ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính : Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (84.8) 3914 3588
Fax: (84.8) 3914 3209
Website : www.vcsc.com.vn

TÓ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Địa chỉ: Số 63 Trần Khánh Dư, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (84.8) 3526 5796/7
Fax: (84.8) 3843 5590
Website: <http://www.aasc.com.vn>



Mục lục

| | | |
|-------------|--|-----------|
| I. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU | 9 |
| 1. | Rủi ro về kinh tế | 9 |
| 2. | Rủi ro tỷ giá hối đoái | 9 |
| 3. | Rủi ro đặc thù ngành | 9 |
| 4. | Rủi ro về luật pháp | 10 |
| 5. | Rủi ro khác | 10 |
| II. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 11 |
| 1. | Tổ chức niêm yết : | 11 |
| 2. | Tổ chức tư vấn | 11 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM | 12 |
| IV. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT | 13 |
| 1. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 13 |
| 1.1. | <i>Lịch sử hình thành và phát triển</i> | 13 |
| 1.2. | <i>Giới thiệu về Công ty</i> | 13 |
| 2. | Cơ cấu tổ chức của Công ty | 15 |
| 3. | Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty | 17 |
| 4. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông ngày 12/8/2010 | 21 |
| 5. | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết | 22 |
| 6. | Hoạt động kinh doanh | 23 |
| 6.1. | <i>Sản lượng sản phẩm qua các năm</i> | 23 |
| 6.2. | <i>Nguyên vật liệu</i> | 27 |
| 6.3. | <i>Chi phí sản xuất</i> | 31 |
| 6.4. | <i>Trình độ công nghệ</i> | 32 |
| 6.5. | <i>Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm</i> | 36 |
| 6.6. | <i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm</i> | 36 |
| 6.7. | <i>Hoạt động Marketing</i> | 38 |
| 6.8. | <i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền</i> | 40 |



| | | |
|------------|--|-----------|
| 6.9. | <i>Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện</i> | 41 |
| 7. | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất | 42 |
| 7.1. | <i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm và 6 tháng đầu năm 2010</i> | 42 |
| 7.2. | <i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo</i> | 42 |
| 8. | Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành | 45 |
| 8.1. | <i>Vị thế của Công ty trong ngành</i> | 45 |
| 8.2. | <i>Triển vọng phát triển của ngành</i> | 47 |
| 8.3. | <i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới</i> | 49 |
| 9. | Chính sách đối với người lao động | 51 |
| 9.1. | <i>Số lượng người lao động trong Công ty:</i> | 51 |
| 9.2. | <i>Chính sách đối với người lao động</i> | 51 |
| 10. | Chính sách cổ tức | 53 |
| 11. | Tình hình hoạt động tài chính | 54 |
| 11.1. | <i>Các chỉ tiêu cơ bản</i> | 54 |
| 11.2. | <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i> | 57 |
| 12. | Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng | 58 |
| 13. | Tài sản | 69 |
| 14. | Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012 | 71 |
| 15. | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 72 |
| 16. | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức niêm yết | 72 |
| 17. | Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết | 72 |
| V. | CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT | 73 |
| 1. | Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông | 73 |
| 2. | Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu | 73 |
| 3. | Tổng số cổ phiếu niêm yết : 10.400.000 cổ phiếu | 73 |
| 4. | Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định : 4.004.280 cổ phiếu | 73 |
| 5. | Giá niêm yết dự kiến : 25.000 đồng/cổ phiếu | 73 |
| 6. | Phương pháp tính giá | 73 |
| 6.1. | <i>Phương pháp P/E</i> | 73 |
| 6.2. | <i>Phương pháp “chiết khấu dòng cổ tức” (DDM)</i> | 74 |
| 7. | Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài | 75 |
| 8. | Các loại thuế có liên quan | 76 |
| VI. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT | 77 |
| 1. | Tổ chức niêm yết | 77 |



| | | |
|-------------|-------------------|-----------|
| 2. | Tổ chức kiểm toán | 77 |
| 3. | Tổ chức tư vấn | 77 |
| VII. | PHỤ LỤC | 78 |



Danh sách các bảng biểu

| Bảng | Tên | Trang |
|-------------|--|--------------|
| 1 | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 12/8/2010 | 21 |
| 2 | Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty | 21 |
| 3 | Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 12/8/2010 | 22 |
| 4 | Danh sách những Công ty Vinh Long Food góp vốn liên kết hoặc mua cổ phần | 22 |
| 5 | Cơ cấu doanh thu theo mặt hàng kinh doanh | 24 |
| 6 | Cơ cấu doanh thu theo chủng loại gạo | 25 |
| 7 | Tình hình xuất khẩu và bán nội địa mặt hàng gạo của Công ty qua các năm | 26 |
| 8 | Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo mặt hàng kinh doanh | 26 |
| 9 | Sản lượng gạo mua vào của Công ty qua các năm | 27 |
| 10 | Danh sách một số nhà cung cấp chính của Công ty | 28 |
| 11 | Cơ cấu chi phí trên doanh thu của Công ty qua các năm | 31 |
| 12 | Các hợp đồng trong năm 2009 | 41 |
| 13 | Các hợp đồng đã và đang thực hiện trong năm 2010 | 41 |
| 14 | Chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh | 42 |
| 15 | Vị trí của Vinh Long food khi so sánh với Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam năm 2009 | 45 |
| 16 | Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty | 51 |
| 17 | Mức thu nhập bình quân người lao động qua các năm | 54 |
| 18 | Tình hình nợ vay ngắn hạn của Công ty | 55 |
| 19 | Cơ cấu nợ vay ngắn hạn tại các ngân hàng | 55 |
| 20 | Tình hình nợ vay dài hạn của Công ty | 56 |
| 21 | Các khoản phải thu | 56 |



| | | |
|----|--|----|
| 22 | Các khoản phải trả | 56 |
| 23 | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 57 |
| 24 | Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/6/2010 | 69 |
| 25 | Một số mặt bằng đất Công ty hiện đang sử dụng và quản lý | 69 |
| 26 | Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2012 | 71 |
| 27 | Chỉ số P/E trung bình ngành | 73 |



Danh sách các biểu đồ

| Hình | Tên | Trang |
|-------------|---|--------------|
| 1 | Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý | 17 |
| 2 | Cơ cấu doanh thu theo mặt hàng kinh doanh | 25 |
| 3 | Tình hình xuất khẩu và bán nội địa mặt hàng gạo của Công ty qua các năm | 26 |
| 4 | Cơ cấu lợi nhuận gộp theo mặt hàng kinh doanh | 27 |
| 5 | % Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần | 30 |
| 6 | % Cơ cấu Chi phí/Doanh thu thuần | 31 |
| 7 | Quy trình sản xuất mặt hàng gạo | 33 |
| 8 | Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Vinh Long Food năm 2009 | 40 |
| 9 | Nhu cầu nhập khẩu gạo thế giới tăng trong năm 2009 | 43 |
| 10 | Giá gạo xuất khẩu của Vinh Long Food so với Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam | 46 |
| 11 | Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2009 | 47 |
| 12 | Khối lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam 2000 - 2008 | 48 |
| 13 | Khối lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam 11 tháng năm 2009 | 48 |



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU

1. Rủi ro về kinh tế

Các sản phẩm của Vinh Long Food chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của lương thực, thực phẩm, do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như nhu cầu về lương thực thực phẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiêu thụ các sản phẩm của Vinh Long Food.

Việt Nam là quốc gia đang phát triển và được dự báo sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao so với các nước trong khu vực và trên Thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2005 là 8,4%, năm 2006 là 8,2%, năm 2007 là 8,4% và 6,18% vào năm 2008. Tuy có sự chậm lại vào năm 2008, nhưng vẫn là một mức cao so với các nước trong thời kỳ khủng hoảng. Sang năm 2009, GDP cả năm đạt 5,32%, tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,18% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch. Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế có tác động tích cực đến sự phát triển của ngành nông nghiệp nói chung và của Vinh Long Food nói riêng.

GDP 6 tháng đầu năm 2010 ước tính tăng 6,16% so với cùng kỳ năm 2009. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước 6 tháng đầu năm tuy chưa bằng mục tiêu tăng 6,5% đề ra cho cả năm nhưng đã gấp 1,6 lần mức tăng trưởng so với 6 tháng đầu năm 2009, chứng tỏ nền kinh tế nước ta đang tiếp tục phục hồi và tăng trưởng nhanh dần.

Chỉ số giá tiêu dùng năm 2009 tăng 6,52%, bình quân 6 tháng đầu năm 2010 tăng 8,75% so với bình quân 6 tháng đầu năm 2009. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2010 so với cùng kỳ năm trước tăng 8,69%; so với tháng 12/2009 tăng 4,78%. Như vậy, chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2010 đã chậm lại, bình quân mỗi tháng đầu năm, chỉ số giá tiêu dùng là 0,22. Lạm phát thể hiện sự tăng giá, đặc biệt là giá lương thực, thực phẩm, xăng dầu và vật liệu xây dựng. Trong khi đó, giá trên thị trường thế giới còn có những biến động khó lường, nên có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế cũng là một rủi ro lớn đối với hoạt động của Công ty.

2. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Giá đô la Mỹ tháng 6/2010 so với tháng trước giảm 0,17%; so với tháng 12/2009 tăng 0,41% và so với cùng kỳ năm 2009 tăng 5,53%

Các sản phẩm lương thực thực phẩm của Công ty chủ yếu được xuất khẩu. Do phải giao dịch bằng ngoại tệ nên sự biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Ngành xuất khẩu gạo nói chung chịu nhiều rủi ro đặc thù ngành như thu hoạch theo mùa vụ, ảnh hưởng của thời tiết lên chất lượng sản phẩm.

Gạo là sản phẩm thu hoạch theo mùa vụ. Vào vụ hè thu, giá gạo có xu hướng giảm do độ ẩm cao, ảnh hưởng tới chất lượng gạo. Đồng thời đây cũng là mùa mưa, nên việc đảm bảo lưu trữ cũng rất khó khăn.



Bên cạnh đó, doanh nghiệp kinh doanh gạo nói chung và Vinh Long Food nói riêng còn có thể gặp các rủi ro sau trong quá trình hoạt động như:

- Việc dự trữ hàng tồn kho.
- Sự cạnh tranh khốc liệt của các nước xuất khẩu gạo khác như Thái Lan, Myanmar, Pakistan.
- Cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp nội địa cùng ngành trong xuất khẩu và thu mua lúa gạo như đầu cơ, ghim hàng chờ giá lên cao, hoặc dìm giá gạo xuống thấp.
- Chất lượng gạo chưa đồng đều làm yếu đi tính cạnh tranh của gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế
- Giá điện sản xuất tăng cao làm tăng giá thành sản phẩm. Nguồn điện lại không ổn định gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất gạo của Công ty trong thời điểm giao hàng nhiều.
- Giá xăng dầu biến động và tăng mạnh làm giá cước vận chuyển gạo nội địa tăng theo, do đó làm tăng chi phí bán hàng và giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Khách hàng nước ngoài gặp khó khăn trong việc thuê tàu nên việc giao hàng bị chậm trễ đã gây ảnh hưởng đến chất lượng gạo, tăng chi phí phương tiện chờ tàu tại Cảng.
- Nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là vốn vay ngân hàng. Khi lãi suất tăng cao hoặc ngân hàng thắt chặt tín dụng, sẽ gây rất nhiều khó khăn trong việc tạo vốn để duy trì và phát triển kinh doanh.

4. Rủi ro về luật pháp

Bên cạnh đó, với vai trò là Công ty mới được chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần từ doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động của Vinh Long Food chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra. Khi đó, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp, và sau đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết :

| | |
|-------------------------------|--|
| Bà Phan Thị Ánh | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long. |
| Ông Nguyễn Thanh Hoàng | Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long. |
| Ông Trang Hữu Nghĩa | Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long. |
| Ông Phan Ngọc Bình | Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long. |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật : Ông **Tô Hải** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|------------------|--|
| Công ty | Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long |
| Tổ chức niêm yết | Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long |
| Vinh Long Food | Tên giao dịch của Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long |
| CT CP LTTP VL | Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước |
| SGDCK | Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM |
| BHXH | Bảo hiểm xã hội |
| CNĐKKD | Chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| CBLT | Chế biến lương thực |
| HTQLCL | Hệ thống quản lý chất lượng |
| USDA | Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ |
| FAO | Tổ chức Nông lương Thế giới |
| VFA | Hiệp hội lương thực Việt Nam |
| XNK | Xuất nhập khẩu |
| TGD | Tổng Giám Đốc |
| HĐKD | Hoạt động kinh doanh |



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long được hình thành do sự sáp nhập của Công ty Lương Thực Thực Phẩm Tỉnh Vĩnh Long và Công ty Lương Thực Thị xã Vĩnh Long theo Quyết định số 190/UBT ngày 13/04/1993 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Long. Đến cuối năm 1995 thực hiện Quyết định số 40/CP của Thủ tướng Chính phủ, Công ty được bàn giao về Tổng công ty Lương Thực Miền Nam hoạt động. Công ty là thành viên của Hiệp hội lương thực Việt Nam và Hội viên phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam.

Công ty có chi nhánh đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh số 31 Nguyễn Kim - quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01/08/2006, Công ty đã nhận được Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc chuyển đổi Công ty Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long thành Công ty cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long với vốn đăng ký kinh doanh là 52.000.000.000 đồng.

Ngày 22/09/2009, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và UBCKNN, Công ty đã chi cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, mỗi cổ đông đăng ký tại ngày 07/10/2009 sẽ được chi trả khoản cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ là 80% cùng với lượng cổ phiếu thưởng tương ứng tỷ lệ 20%. Nguồn vốn phát hành cổ phiếu thưởng được lấy chủ yếu từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty. Như vậy, nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu của công ty tăng lên 104.000.000.000 đồng, đồng thời số lượng cổ phiếu tăng lên 10,4 triệu cổ phiếu.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG.
- Tên tiếng Anh: VINH LONG CEREAL AND FOOD IMPORT EXPORT COMPANY.
- Biểu tượng của Công ty



- Vốn điều lệ: 104.000.000.000 VNĐ (một trăm lẻ bốn tỷ đồng)
- Tổng số lượng cổ phần: 10.400.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông



- Trụ sở chính: Số 38, Đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: (070) 3822 512 – 3822 516 – 3822 712
- Fax: (070) 3823 773
- Website: www.vinhlongfood.com.vn
- Email: vinhlongfood@hcm.vnn.vn
- Giấy CNĐKKD: 54.0.3.000041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp cho đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006, thay đổi lần thứ 1 ngày 07/03/2007, thay đổi lần 2 ngày 23/08/2007, thay đổi lần 3 ngày 30/01/2008; thay đổi lần 4 ngày 02/06/2008; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 1500170900 (số CNĐKKD cũ: 54.0.3.000041) thay đổi lần 5 ngày 27/10/2008, thay đổi lần 6 ngày 16/03/2009, thay đổi lần thứ 7 ngày 08/05/2009; thay đổi lần 8 ngày 06/08/2009, thay đổi lần thứ 9 ngày 10/10/2009)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Mua bán lương thực thực phẩm, nông lâm sản, nguyên liệu, đồ uống không cồn;
- Mua bán phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Mua bán máy móc nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp, xây dựng và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi, linh kiện điện tử viễn thông và điều khiển, điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại, máy in, vật tư ngành in và phụ tùng, máy photocopy...);
- Mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, mô tô, xe máy;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, mô tô, xe máy;
- Mua bán vật liệu xây dựng, gỗ, kim khí;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng, các chất bôi trơn và làm sạch động cơ, khí đốt (gas);
- Mua bán đồ gia dụng thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện, thiết bị thể dục thể thao;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, mỹ phẩm, hạt nhựa PE, hương liệu dùng trong thực phẩm;
- Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;



- Nuôi trồng thủy sản; Chế biến bảo quản thủy sản, sản phẩm từ thủy sản;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Dịch vụ nhà đất; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông; Hoạt động kho bãi;
- Dệt bao bì nhựa PV và PE;
- Xây xát thóc lúa, đánh bóng gạo, sản xuất bột thô;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất đồ uống không cồn.

Công ty được hoạt động kinh doanh như quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác được Hội đồng quản trị Công ty và luật pháp cho phép.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: Văn phòng Công ty, các Xí nghiệp như sau:

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long

Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Ban điều hành Công ty và các phòng nghiệp vụ của Công ty gồm: phòng Tổ chức Hành chính, phòng Kế hoạch Chiến lược, phòng Tài chính kế toán, phòng Xuất nhập khẩu, phòng Kỹ thuật Xây dựng cơ bản.

Số 38 đường 2/9, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: (070) 3822 512





Các Xí nghiệp

Các Xí nghiệp, Cửa hàng có chức năng và nhiệm vụ được Tổng giám đốc quy định theo Quy chế hoạt động chung trong toàn Công ty, các Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc. Công ty hiện có hệ thống các Xí nghiệp và cửa hàng sau:

- Xí nghiệp Chế biến nông sản và Nuôi trồng thủy sản: 32/2A Phạm Hùng, P9, Tp.Vĩnh Long, T. Vĩnh Long;
- Xí nghiệp chế biến lương thực số 3: Thị trấn Cái Vồn, Huyện Bình Minh, T. Vĩnh Long;
- Xí nghiệp chế biến lương thực số 4: Xã Phú Lộc, Huyện Tam Bình, T. Vĩnh Long;
- Xí nghiệp chế biến lương thực số 5:Thị trấn Tam Bình, Huyện Tam Bình, T.Vĩnh Long;
- Xí nghiệp bao bì: Xã Lộc Hòa, Huyện Long Hồ, T. Vĩnh Long;
- Xí nghiệp chế biến lương thực số 7: Xã Thới Thạnh, Huyện Cờ Đỏ, Tp. Cần Thơ;
- Xí nghiệp chế biến lương thực số 8: Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, T. An Giang;
- Xí nghiệp chế biến lương thực số 9: Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ;
- Văn phòng đại diện tại TP HCM: 31 Nguyễn Kim, Quận 5, Tp. HCM;
- Cửa hàng tiện lợi: 4,6,10 Phạm Hùng, P2, Tp. Vĩnh Long, T. Vĩnh Long.

Hoạt động chủ yếu của Các Xí nghiệp là xay sát, đánh bóng, chế biến gạo thành mặt hàng thương mại, sau đó đóng gói và bán trên thị trường hoặc xuất khẩu. Các cửa hàng của Công ty chủ yếu là giới thiệu mặt hàng gạo và bán gạo cho thị trường địa phương.

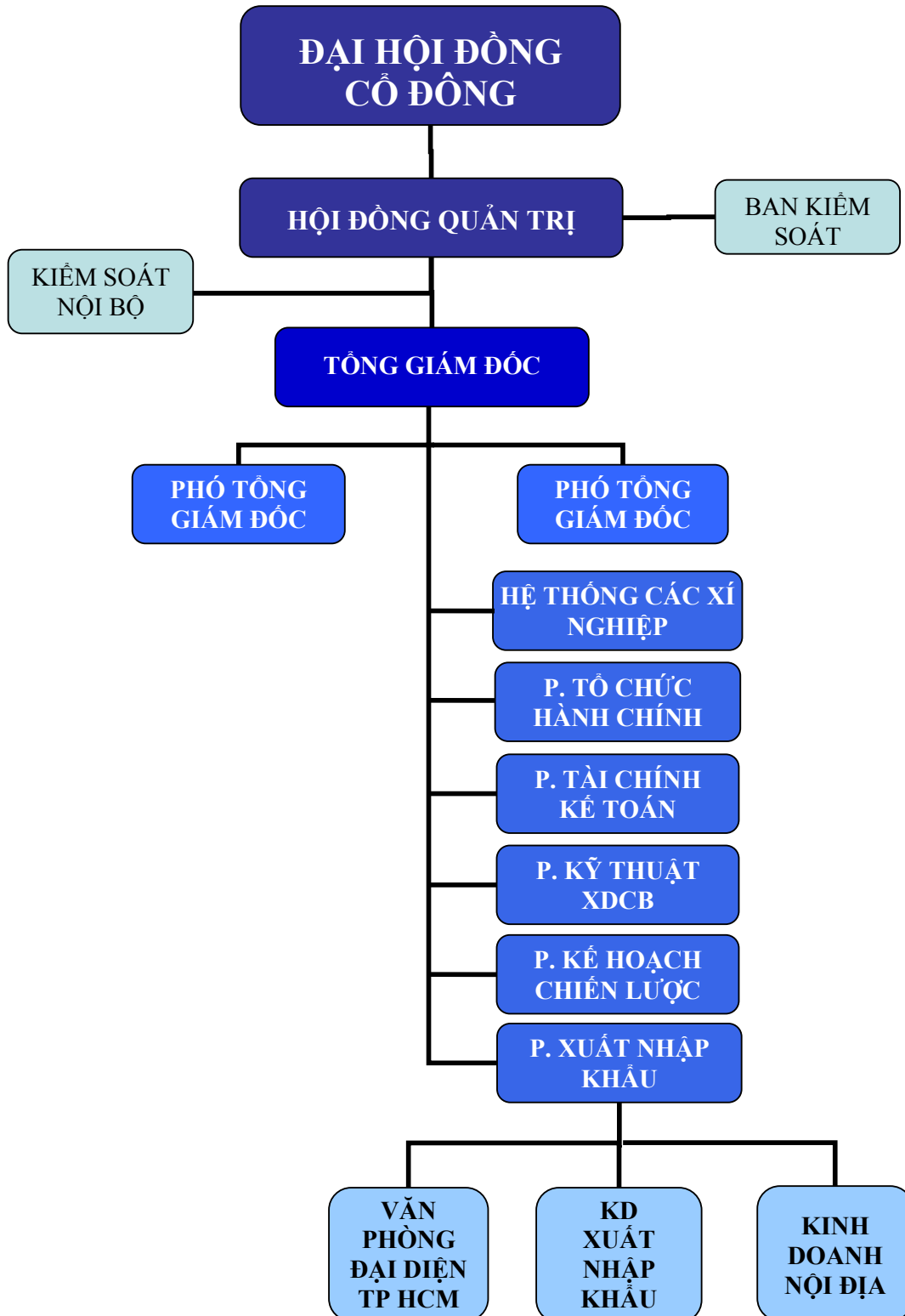


3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty có cơ cấu bộ máy quản lý theo đúng mô hình công ty cổ phần bao gồm:

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý

Công Ty Cổ Phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long





Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ thông qua các vấn đề sau:

- Sửa đổi bổ sung điều lệ.
- Kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên.
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán.
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị.
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
- Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý.
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.
- Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Công ty hoặc chi nhánh Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- Các quyền khác được quy định theo luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị: là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



Ban Kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban.

Tổng Giám đốc: là người điều hành và quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc: hỗ trợ công việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm về phần việc của mình trước Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát nội bộ công ty: có chức năng kiểm soát tài chính, kế toán thông qua việc kiểm tra, so sánh, đối chiếu, phân tích chứng từ, số liệu; xem xét, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy định, chính sách do Công ty ban hành trong hoạt động của các phòng ban; kiểm soát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc thu, chi, nhập, xuất tài sản Công ty; xây dựng và triển khai thực hiện chương trình phòng chống tiêu cực, lãng phí trong Công ty; phát hiện và đánh giá những rủi ro báo cáo cho HĐQT.

Các phòng ban: là những phòng ban trực tiếp điều hành công việc của Công ty theo chức năng chuyên môn, nhận sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Công ty hiện có các phòng nghiệp vụ với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

❖ **Phòng Tổ chức - Hành Chính:**

- Lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực và chi tiêu hành chính cho toàn Công ty.
- Tổ chức và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự.
- Xây dựng cấu trúc lương, thưởng và các chế độ phúc lợi cho nhân viên.
- Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể.
- Góp phần xây dựng hình ảnh và uy tín Công ty qua các hoạt động xã hội.
- Quản lý và theo dõi thủ tục giấy tờ hành chính pháp lý.
- Quản lý, bố trí, điều động đội bảo vệ đảm bảo an ninh cho toàn Công ty và phương tiện di chuyển tạo điều kiện thuận lợi cho CBCVN yên tâm công tác.
- Quản lý cơ sở vật chất và tài sản của toàn Công ty.

❖ **Phòng Tài chính - Kế toán:**

- Kiểm tra chặt chẽ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất – chế biến gạo;



- Theo dõi các khoản tồn kho, kiểm kê tài sản... phát hiện các khoản chi phí bất hợp lý và báo cáo cho ban TGD công ty để có biện pháp xử lý kịp thời, giúp hạn chế rủi ro trong quá trình hoạt động;
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán và lưu trữ hệ thống sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, lập các báo cáo tài chính (tháng, quý, năm), các báo biểu kế toán thống kê.
- Lập báo cáo quản trị tài chính theo qui định; theo dõi việc thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước như thuế, các khoản trích nộp theo quy định.
- Hoạch định chiến lược tài chính dài hạn, ngắn hạn; lập kế hoạch huy động vốn, tránh cho công ty tình trạng bị động vốn, góp phần giữ vững uy tín kinh doanh;
- Thẩm định các dự án nhằm đưa ra các giải pháp đầu tư tài chính trên cơ sở phân tích và đánh giá dự án và thị trường, nguồn tài chính để lựa chọn phương án đầu tư hiệu quả nhất.

❖ **Phòng Kỹ thuật xây dựng cơ bản:**

- Tham mưu cho Ban Giám Đốc về công tác khoa học kỹ thuật chuyên ngành;
- Tham mưu cho Ban Giám Đốc về việc đề ra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, quy trình hoạt động;
- Giám sát việc thực hiện các quy định về chất lượng hàng hóa, các quy trình vận hành bộ máy công ty;
- Đề ra các kế hoạch cải tiến quy trình hoạt động của công ty;
- Tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo chức năng nhiệm vụ được giao và chủ trì tham mưu tổng kết công tác Khoa học Công nghệ Môi trường của Ngành;
- Nghiên cứu các sản phẩm mới để đi trước các đối thủ cạnh tranh.

❖ **Phòng Kế hoạch – Chiến lược:**

- Thực hiện việc kiểm soát các nguồn đầu vào của công ty (cả về nguyên liệu, máy móc thiết bị và vốn);
- Kết hợp với các xí nghiệp chế biến quản lý việc thu mua của công ty;
- Thu thập thông tin về các nhà cung cấp và tạo mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp tốt nhất;
- Thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin thị trường; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tiếp thị, quảng cáo của Công ty;
- Tiến hành nghiên cứu thị trường để nắm bắt nhu cầu thị hiếu của khách hàng;
- Thu thập thông tin về đặc điểm của từng thị trường;



- Dự báo khả năng tiêu thụ và diễn biến của thị trường; Giải quyết mọi thắc mắc và khiếu nại của khách hàng.

❖ **Phòng Xuất nhập khẩu:**

- Quản lý các thị trường xuất khẩu; thu thập thông tin về đặc điểm và biến động của thị trường tiêu thụ;
- Trưởng phòng XNK tổng hợp thông tin từ nhân viên và các số liệu từ bộ phận marketing để tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh xuất khẩu; đề ra kế hoạch nhập khẩu hàng hóa để kinh doanh nội địa.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông ngày 12/8/2010

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty ngày 12/8/2010

| Tên Cổ đông | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
|--|--------------------------------------|------------------|---------------|
| Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Đại diện phần vốn Nhà nước : 1. Bà Phan Thị Ánh 2. Ông Đặng Kỳ Trung) | 42 Chu Mạnh Trinh, Q.1, TP.HCM | 4.160.000 | 40,00 % |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim | 1-5 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM | 2.428.578 | 23.35 % |
| Tổng cộng | | 6.588.578 | 63.35% |

Nguồn: VLF

Bảng 2 : Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

| Tên Cổ đông | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
|--|---|------------------|---------------|
| Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Đại diện phần vốn Nhà nước : 1. Bà Phan Thị Ánh 2. Ông Đặng Kỳ Trung) | 42 Chu Mạnh Trinh, Q.1, TP.HCM | 4.160.000 | 40,00% |
| Công ty CP Thương Mại Dịch vụ Hàng Hải Phú Mỹ (Đại diện: Ông Nguyễn Văn Đức) | 43 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Q.7, TP.HCM | 230.000 | 2.21% |
| Công ty CP Thương Mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Đại diện: Ông Mã Đức Tú) | 740A Quốc Lộ 52, Tổ 17, KP2, Q.9, TP.HCM | 100.000 | 0,96% |
| Tổng cộng | | 4.490.000 | 43,17% |

Nguồn: VLF

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà



Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Tính đến ngày 12/8/2010, số cổ phần do cổ đông sáng lập của Vinh Long Food nắm giữ đã được tự do chuyển nhượng.

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 12/8/2010

| Cổ đông | Giá trị sở hữu (đồng) | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu | Số lượng cổ đông |
|-------------------------|------------------------|-------------------|----------------|--------------------|
| Cổ đông Nhà nước | 41.600.000.000 | 4.160.000 | 40,00% | 1 cổ đông |
| Cá nhân | 34.814.220.000 | 3.481.422 | 33,47% | 172 cổ đông |
| - Trong nước | 34.414.220.000 | 3.441.422 | 33,09% | 171 cổ đông |
| - Ngoài nước | 400.000.000 | 40.000 | 0,38% | 1 cổ đông |
| Tổ chức | 27.585.780.000 | 2.758.578 | 26,53% | 3 cổ đông |
| - Trong nước | 27.585.780.000 | 2.758.578 | 26,53% | 3 cổ đông |
| - Ngoài nước | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 104.000.000.000 | 10.400.000 | 100,00% | 176 cổ đông |

Nguồn: VLF

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

- Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty CP Lương thực thực phẩm Vĩnh Long: Không có
- Danh sách những Công ty mà Công ty CP Lương thực thực phẩm Vĩnh Long nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có
- Danh sách những Công ty mà Công ty CP Lương thực thực phẩm Vĩnh Long góp vốn liên kết hoặc mua cổ phần:

Bảng 4: Danh sách những Công ty Vinh Long Food góp vốn liên kết hoặc mua cổ phần

| Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh | Vốn điều lệ (triệu đồng) | VLF góp vốn (triệu đồng) | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|---|------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|-----------|----------|
| CT TNHH TM Sài Gòn – Vĩnh Long (Siêu thị Co.opMart) | Vĩnh Long | Siêu thị | 20.000 | 5.250 | 26,25 | Liên kết |
| Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ | Ninh Thuận | Du lịch | 87.400 | 5.000 | 5,72 | Mua CP |



| Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh | Vốn điều lệ (triệu đồng) | VLF góp vốn (triệu đồng) | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------|----------|
| CT TNHH Domyfeed | Khu CN Sa Đéc, Đồng Tháp | Chế biến thức ăn thủy sản | 60.000 | 15.000 | 25,00 | Liên kết |
| TỔNG | | | | 20.250 | | |

Nguồn: VLF

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm

Mặt hàng kinh doanh chính

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là mặt hàng lương thực thực phẩm như gạo, tấm xuất khẩu. Dưới đây là phân loại các mặt hàng kinh doanh chủ yếu của Công ty:

- **Gạo tấm xuất khẩu:** gồm có các loại gạo 5% tấm, 10% tấm, 15% tấm, 20% tấm, 25% và 100% tấm.



- **Gạo hạt dài 5% tấm:** Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, mùi vị tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Sản phẩm gạo được đóng trong bao PE 25kg, 5kg và bao PP 25kg hoặc 50kg. Nguyên liệu chính sản xuất là gạo nguyên liệu trắng hoặc lức. Tiêu chuẩn xuất khẩu TCCS/VLF/3:2007 của công ty đã được công bố theo số 03/VLF/2007 và được chấp nhận rộng rãi. Sản phẩm này được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5644:1999.
- **Gạo Jasmin:** Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Gạo được đóng gói trong bao PE 2kg, 5kg và bao PP 25kg hoặc 50kg. Nguyên liệu chính sản xuất: gạo nguyên liệu Jasmine trắng hoặc lức. Tiêu chuẩn xuất khẩu TCCS/VLF/4:2007 của công ty đã được công bố theo số 04/VLF/2007 và được chấp nhận rộng rãi. Sản phẩm này được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5644:1999.
- **Gạo Hương Lài:** Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ



và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Gạo được đóng gói trong bao PE 2kg, 5kg và bao PP 25kg hoặc 50kg. Nguyên liệu chính sản xuất: gạo nguyên liệu Hương Lài trắng hoặc lức. Tiêu chuẩn xuất khẩu TCCS/VLF/5:2007 của công ty đã được công bố theo số 05/VLF/2007 và được chấp nhận rộng rãi.

- **Nếp thơm:** Nếp thơm có màu trắng đục, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt nếp và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Nếp thơm được đóng gói trong bao PE 2kg, 5kg và bao PP 25kg hoặc 50kg. Nguyên liệu chính sản xuất: Nếp thơm nguyên liệu trắng hoặc lức. Tiêu chuẩn xuất khẩu TCCS/VLF/6:2007 của công ty đã được công bố theo số 06/VLF/2007 và được chấp nhận rộng rãi.
- **Tám thơm:** Tám thơm có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, phù hợp với tiêu dùng, an toàn cho người sử dụng. Nếp thơm được đóng gói trong bao PE 2kg, 5kg và bao PP 25kg hoặc 50kg. Nguyên liệu chính sản xuất: được thu hồi từ gạo thơm 5% tám hoặc 10% tám. Tiêu chuẩn xuất khẩu TCCS/VLF/7:2007 của công ty đã được công bố theo số 07/VLF/2007 và được chấp nhận rộng rãi.
- **Bao bì:** Mặt hàng bao bì của Công ty được sản xuất chủ yếu sử dụng cho việc xuất khẩu gạo. Các bao bì chất lượng tốt, trọng lượng từ 120g đến 140g mỗi bao, dung lượng 50kg, có thể xở ra và sử dụng lại nhiều lần. Bên cạnh đó, Công ty cũng cung cấp mặt hàng bao bì cho các nhà máy chế biến thức ăn gia súc, thủy sản. Các bao này có trọng lượng tương tự bao chứa gạo nhưng giá thành rẻ hơn do chất lượng vừa phải.

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu theo mặt hàng kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

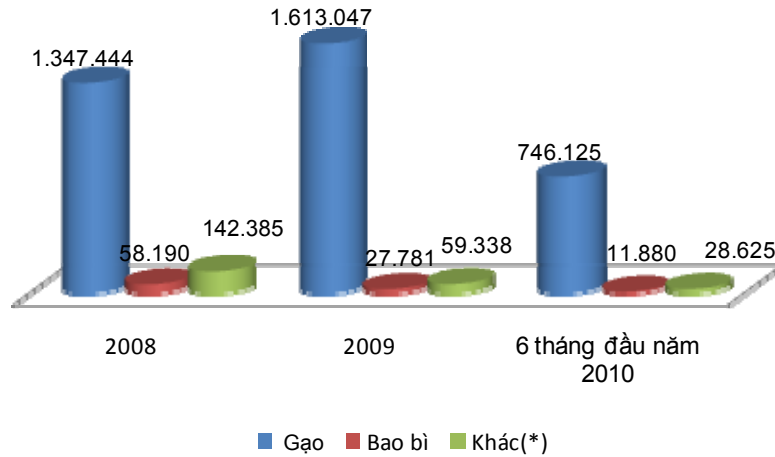
| Nhóm hàng | 2008 | | 2009 | | 6 tháng đầu năm 2010 | |
|-------------|------------------|---------------|------------------|---------------|----------------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Gạo | 1.347.444 | 87,0% | 1.613.047 | 94,9% | 746.125 | 94,9% |
| Bao bì | 58.190 | 3,8% | 27.781 | 1,6% | 11.880 | 1,5% |
| Khác(*) | 142.385 | 9,2% | 59.338 | 3,5% | 28.625 | 3,6% |
| Tổng | 1.548.019 | 100,0% | 1.700.166 | 100,0% | 786.630 | 100,0% |

Nguồn: VLF

(*)Khác: bao gồm các sản phẩm và mặt hàng khác của Công ty, các mặt hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ, chủ yếu là hàng nông sản, thức ăn thủy sản, sữa, và doanh thu từ các dịch vụ khác như cho thuê kho bãi.



Hình 2: Cơ cấu doanh thu theo mặt hàng kinh doanh (triệu đồng)



Bảng 6: Cơ cấu doanh thu theo chủng loại gạo

| Loại gạo | 2008 | | 2009 | | 6 tháng đầu năm 2010 | |
|-------------|-----------------|------------------------|-----------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Sản lượng (tấn) | Doanh thu (triệu đồng) | Sản lượng (tấn) | Doanh thu (triệu đồng) | Sản lượng (tấn) | Doanh thu (triệu đồng) |
| 5% | 54.144 | 436.596 | 111.294 | 787.894 | 45.269 | 317.852 |
| 10% | 14.260 | 119.382 | 16.600 | 115.904 | 1.056 | 7.170 |
| 15% | 7.523 | 74.795 | 20.912 | 142.262 | 8.499 | 58.935 |
| 20% | 267 | 2.120 | 181 | 1.262 | 5.226 | 32.026 |
| 25% | 51.449 | 464.548 | 37.540 | 259.604 | 30.886 | 255.056 |
| 35% | | | 9.560 | 54.874 | | |
| Gạo thóc | 224 | 1.185 | | | 26 | 109 |
| Gạo NL | 201 | 1.417 | 82 | 506 | | |
| Gạo thơm | 10.646 | 88.636 | 3.282 | 31.411 | 458 | 4.556 |
| Tám 1 | 11.890 | 78.899 | 27.540 | 142.616 | 6.033 | 32.955 |
| Tám 2 | 2.019 | 10.163 | 2.192 | 9.235 | 800 | 4.113 |
| Tám 3 | 265 | 1.215 | 400 | 1.729 | 97 | 525 |
| Tám Thơm | 1.192 | 8.855 | 1.130 | 6.995 | 3 | 23 |
| Cám | 14.307 | 56.211 | 18.470 | 58.755 | 7.575 | 32.805 |
| Lúa | 591 | 3.422 | | | | |
| Tổng | 168.978 | 1.347.444 | 249.183 | 1.613.047 | 105.928 | 746.125 |

Nguồn : VLF



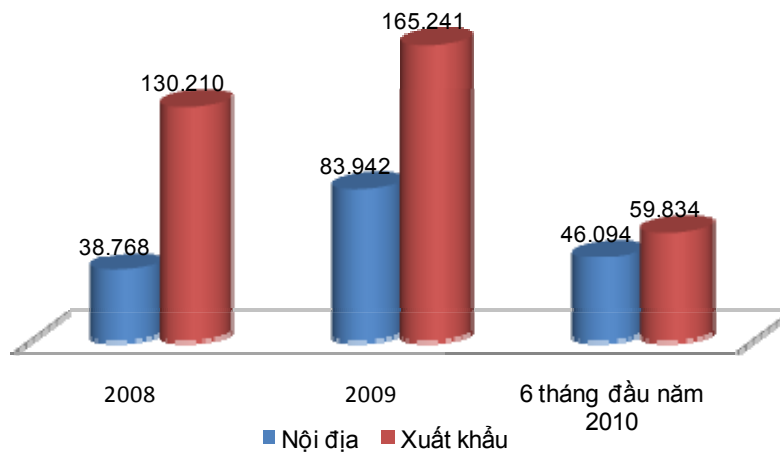
Bảng 7: Tình hình xuất khẩu và bán nội địa mặt hàng gạo của Công ty qua các năm

ĐVT: triệu đồng

| Thị trường | 2008 | | 2009 | | 6 tháng đầu năm 2010 | |
|-------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|----------------------|----------------|
| | Sản lượng (tấn) | Doanh thu | Sản lượng (tấn) | Doanh thu | Sản lượng (tấn) | Doanh thu |
| Nội địa | 38.768 | 236.961 | 83.942 | 508.127 | 46.094 | 288.722 |
| Xuất khẩu | 130.210 | 1.110.483 | 165.241 | 1.104.920 | 59.834 | 457.403 |
| Tổng | 168.978 | 1.347.444 | 249.183 | 1.613.047 | 105.928 | 746.125 |

Nguồn : VLF

Hình 3: Tình hình xuất khẩu và bán nội địa mặt hàng gạo của Công ty qua các năm (tấn)



Bảng 8: Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo mặt hàng kinh doanh

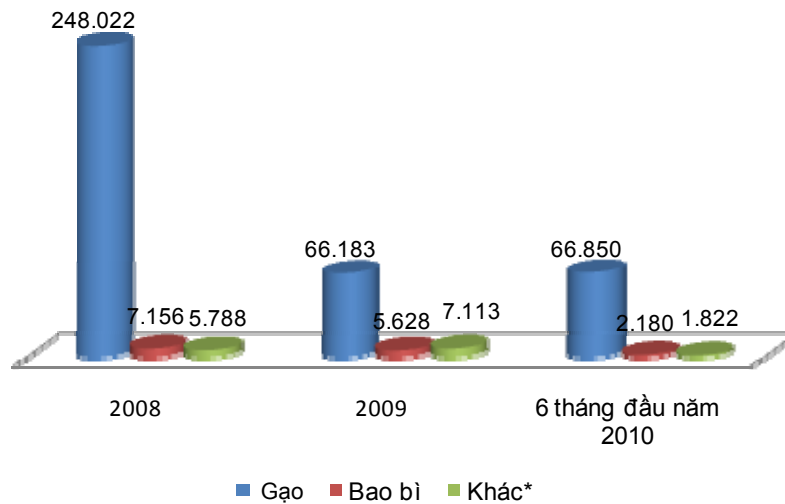
ĐVT: triệu đồng

| Nhóm hàng | 2008 | | 2009 | | 6 tháng đầu năm 2010 | |
|-------------|----------------|---------------|---------------|---------------|----------------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Gạo | 248.022 | 95,0% | 66.183 | 83,9% | 66.850 | 94,4% |
| Bao bì | 7.156 | 2,7% | 5.628 | 7,1% | 2.180 | 3,0% |
| Khác* | 5.788 | 2,2% | 7.113 | 9,0% | 1.822 | 2,6% |
| Tổng | 260.966 | 100,0% | 78.924 | 100,0% | 70.852 | 100,0% |

Nguồn : VLF

*Khác: bao gồm các sản phẩm và mặt hàng khác của Công ty, các mặt hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ, chủ yếu là hàng nông sản, thức ăn thủy sản, sữa, và doanh thu từ các dịch vụ khác như cho thuê kho bãi.

Hình 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo mặt hàng kinh doanh



6.2. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu

Hiện nay, Việt Nam là nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên Thế giới sau Thái Lan. Việt Nam là nước nông nghiệp lâu đời, trong đó Đồng bằng sông Cửu Long có vị thế tốt, trù phú, thời tiết mùa màng thuận lợi nên khả năng cung cấp nguồn hàng trong nước tương đối ổn định, đáp ứng được nhu cầu của Công ty. Công ty sử dụng 100% nguồn nguyên liệu trong nước, và hàng hóa được sản xuất chủ yếu từ Đồng Bằng Sông Cửu Long. Sản lượng thu mua của Công ty qua các năm cụ thể như sau:

Bảng 9: Sản lượng gạo mua vào của Công ty qua các năm

ĐVT: Tấn

| Năm | 2007 | 2008 | 2009 | 6 tháng đầu năm 2010 |
|-------------------|---------|---------|---------|----------------------|
| Sản lượng mua vào | 309.007 | 176.156 | 275.490 | 93.668 |

Nguồn: VLF

Sản lượng gạo mua vào 2007 đến 2008 giảm là do: Công ty chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần nên Công ty giảm dần sự chỉ đạo của Nhà nước và kinh doanh theo tình hình thực tế. Đặc biệt năm 2008 do lệnh tạm ngưng xuất khẩu của Chính phủ nên lượng mua giảm mạnh. Tuy nhiên, đến năm 2009, sản lượng gạo mua vào của doanh nghiệp đã tăng khoảng 100.000 tấn so với năm 2008. Quý I/2010, sản lượng gạo mua vào của Công ty là 43 ngàn tấn.

Nguồn sản phẩm đầu vào chủ yếu được mua từ các nhà cung cấp trong nước như các nhà máy xay xát, tư thương nhỏ. Để bảo đảm chất lượng sản phẩm hàng hóa, Công ty đã triển



khai và thực hiện quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2000, với các chỉ tiêu đánh giá nhà cung ứng như sau: chất lượng sản phẩm, giá cả, khả năng cung cấp, phương thức thanh toán, điều kiện bảo quản và khả năng giải quyết khó khăn.

Trong số các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty, những nhà cung cấp là bạn hàng truyền thống và hợp tác lâu dài với Công ty gồm có: Hiệp Thanh, Hiệp Tài, Công Thành, Vạn Lợi... Đây là một trong những đại lý thu mua gạo lớn nhất Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh nghiên cứu, khai thác tốt hệ thống khách hàng và thị trường truyền thống, tích cực tìm kiếm các nguồn khách hàng mới.

Do đặc thù của mặt hàng gạo là khó bảo quản và thời gian tồn kho không quá lâu, nên Công ty rất chú ý tới việc quản lý chất lượng hàng tồn kho. Các chính sách chủ yếu là: chủ động trong việc đảo hàng thường xuyên, kiểm tra chất lượng hàng trong thời gian tồn kho để tránh hư hỏng do lưu kho lâu, nhanh nhạy trong việc chọn thời điểm giá tốt để mua bán.

Bảng 10: Danh sách một số nhà cung cấp chính của Công ty

| Tên nhà cung cấp | Địa chỉ | Loại hàng hóa cung ứng |
|--------------------------------|------------|------------------------|
| DNTN VĨNH PHƯỚC | An Giang | Gạo các loại |
| DNTN HIỆP THÀNH | An Giang | Gạo các loại |
| CTY TNHH TM XNK LT HIỆP THÀNH | An Giang | Gạo các loại |
| DNTN TÂN PHÁT | An Giang | Gạo các loại |
| DNTN CÔNG THÀNH | Đồng Tháp | Gạo các loại |
| DNTN VẠN LỢI | Cần Thơ | Gạo các loại |
| CTY TNHH HIỆP TÀI | Cần Thơ | Gạo các loại |
| CTY TNHH PHƯỚC ĐẠT | Tiền Giang | Gạo các loại |
| CTY TNHH ĐẠI HƯNG | Tiền Giang | Gạo các loại |
| CTY TNHH LƯƠNG THỰC THỊNH PHÁT | Bến Tre | Gạo các loại |

Nguồn: VLF

Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) có diện tích gấp hơn 2 lần so với đồng bằng Sông Hồng, đất đai và khí hậu đều thuận lợi. Chính vì vậy, ĐBSCL hiện là vựa lúa lớn nhất của Việt Nam. Hằng năm, ĐBSCL cung cấp khoảng 40% tổng sản lượng lương thực của cả nước, và hơn ½ sản lượng gạo cũng như tổng lượng gạo xuất khẩu được làm ra từ đây. Điều này cho thấy vị trí các cơ sở chế biến của Công ty đặt tại Vĩnh Long – một trong những vùng trọng điểm của ĐBSCL sẽ là điểm thuận lợi khi thu mua nguồn nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp.

Do đặc thù của ngành lương thực tại vùng ĐBSCL có nhiều thương lái và các doanh nghiệp nhỏ chuyên đi tiếp xúc trực tiếp với người nông dân từ khâu gieo trồng đến khâu thu mua ngay trên ruộng lúa. Sau đó các doanh nghiệp nhỏ sẽ tiến hành xay xát để bán. Do vậy, Công



ty chủ yếu thu mua qua các thương lái và doanh nghiệp truyền thống này. Hơn nữa, do nằm tại vùng nguyên liệu gạo dồi dào nên Công ty dễ dàng có thể lựa chọn loại gạo chất lượng phù hợp với đơn hàng xuất khẩu và nguồn cung tương đối ổn định. Đồng thời, Công ty đã có thương hiệu và hoạt động lâu năm trong ngành nên các bạn hàng cung cấp nguồn nguyên liệu và các nhà cung cấp dịch vụ khá ổn định và lâu dài cho Công ty.

Đặc thù của ngành lương thực, việc thu mua gạo được thực hiện theo mùa vụ, trung bình 3 tháng thu hoạch một lần. Hiện tại, Việt Nam có các vụ: vụ đông xuân (khoảng Quý 1- 2), vụ hè thu (Quý 2-3), và vụ thu đông (Quý 3-4), trong đó, vụ đông xuân có sản lượng gạo nhiều và chất lượng gạo cao hơn so với các mùa vụ khác. Vì vậy, vụ đông xuân được xem là mùa vụ chính để thu mua gạo nguyên liệu. Tuy nhiên, đối với ngành gạo, thời gian dự trữ và quy trình bảo quản chiếm vị trí quan trọng trong khâu sản xuất. Do hoạt động lâu năm trong ngành lương thực, Vinh Long Food khá linh động trong quá trình thu mua gạo và kết hợp với dự báo đơn đặt hàng để chủ động trong việc thực hiện thu mua nguyên liệu đầu vào.

Các mặt hàng khác

Bên cạnh mặt hàng gạo được Công ty xác định là mặt hàng chủ lực, trong giai đoạn từ 2006 – 2010, Ban điều hành Công ty đã có định hướng kinh doanh thêm những mặt hàng mới như nông sản các loại, bao bì, phân bón, để tăng doanh thu, tạo hiệu quả thêm cho Công ty. Tuy nhiên, do những mặt hàng này còn mới, nên việc kinh doanh cũng chưa lớn mạnh, và càng gặp khó khăn hơn do sự bất ổn của thị trường như biến động giá xăng dầu, giá vật tư nguyên liệu, cung cầu thị trường, đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất nông nghiệp, tình hình tiêu thụ trong nước, và làm cho giá cả của các mặt hàng này thay đổi thất thường. Mặc dù Công ty đã chủ động triển khai lập kế hoạch cụ thể cho từng năm, nhưng số lượng kinh doanh vẫn chưa lớn và ổn định.

Bên cạnh đó, Công ty còn đầu tư xây dựng Xí nghiệp bao bì để cung cấp bao bì đóng gạo xuất khẩu của Công ty và các doanh nghiệp khác. Doanh thu mặt hàng này ngày càng có các đóng góp quan trọng vào doanh thu Công ty.

Số lượng năm 2009 đạt được như sau: 2.637 tấn mì màu, 2.358 tấn bã đậu nành, 2.831 tấn cám sậy và 3.340 tấn phân bón. Doanh thu các mặt hàng này đạt 65.126 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 3,8% trên tổng doanh thu toàn Công ty, lợi nhuận đạt 2.435 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 6% trên tổng lợi toàn Công ty.

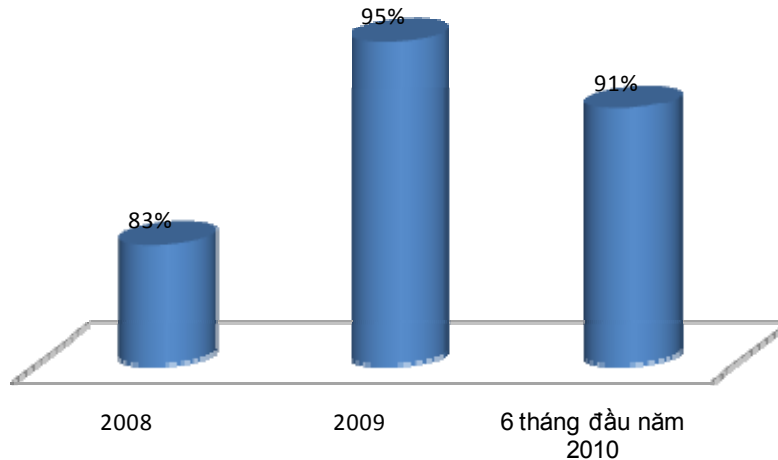
Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Lương thực thực phẩm nói chung và gạo nói riêng là mặt hàng nhu yếu phẩm của con người. Các nhân tố biến động về sản lượng, mùa vụ... đều ảnh hưởng lên giá nguyên liệu. Đối với các công ty thương mại lương thực thực phẩm, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng rất lớn trên doanh thu, điều này có nghĩa là những yếu tố tác động đến giá cả của nguồn nguyên liệu sẽ có mức ảnh hưởng tương ứng lên doanh thu và lợi nhuận của công ty trong ngành như Vinh

Long Food.

Hình dưới đây cho thấy mức giá vốn hàng bán trên doanh thu của Công ty qua các năm:

Hình 5: % Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần



Trong năm 2008, tình hình lạm phát tăng cao, cộng với yếu tố đầu cơ đẩy giá bán trên thị trường gạo. Do đã có lượng dự trữ lớn từ năm trước nên công ty đã tận dụng được đợt tiêu thụ này khi giá thị trường lên cao, làm tỷ lệ giá vốn/doanh thu của công ty giảm xuống mức 83%.

Kinh doanh lương thực năm 2009 so với năm 2008 có khó khăn và rủi ro hơn do thị trường gạo thế giới thời điểm Quý II, Quý III/2009 trầm lắng, số lượng giao dịch ít, giá thấp, cụ thể gạo 5% thời điểm đầu năm 470 USD/tấn đến tháng 9/2009 giảm còn 390 USD/tấn, gạo 25% 384 USD/tấn giảm còn 320 USD/tấn. Trong khi đó, lúa, gạo tồn đọng trong dân và các Doanh nghiệp xuất khẩu lớn, mức tồn kho của Công ty tại thời điểm đó cũng khá nhiều và giá tồn kho cao. Vì vậy nên mức giá vốn trên doanh thu thuần của Công ty ở mức cao trong năm 2009. Trước tình hình khó khăn, Ban Tổng Giám đốc đã có những quyết đoán mạnh dạn trong việc ký kết hợp đồng xuất khẩu, để giải phóng bớt hàng tồn kho, giảm chi phí phát sinh và hạn chế lỗ kế cận.

Ngoài ra, Công ty cũng chú ý tới việc dự báo giá cung nguyên liệu, từ đó đặt mua trước với giá có lợi hơn phòng khi giá nguyên liệu lên cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn cập nhật giá bán gạo trên thế giới, sao cho giá của Công ty luôn cạnh tranh, lại vừa tranh thủ được thời điểm khi giá gạo lên cao.



6.3. Chi phí sản xuất

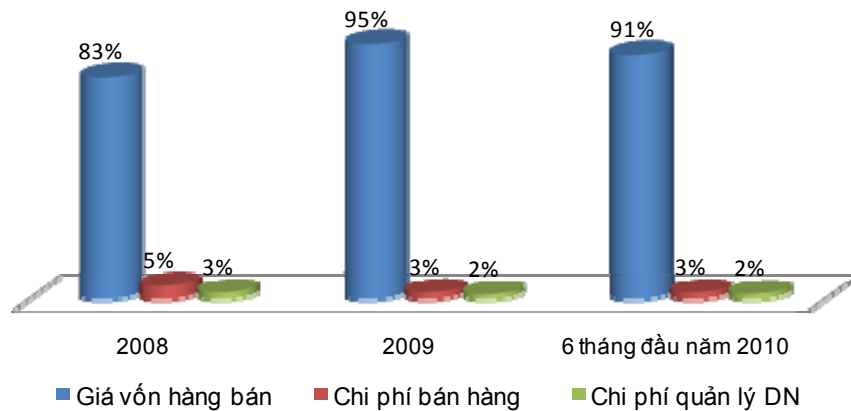
Bảng 11: Cơ cấu chi phí trên doanh thu của Công ty qua các năm

ĐVT: triệu đồng

| Yếu tố | 2008 | | 2009 | | 6 tháng đầu năm 2010 | |
|--------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | %/ Doanh thu | Giá trị | %/ Doanh thu | Giá trị | %/ Doanh thu |
| Giá vốn hàng bán | 1.285.115 | 83,1% | 1.620.063 | 95,3% | 715.752 | 91,3% |
| Chi phí bán hàng | 81.148 | 5,2% | 46.111 | 2,7% | 20.558 | 2,6% |
| Chi phí quản lý DN | 40.746 | 2,6% | 32.030 | 1,9% | 16.526 | 2,1% |
| Tổng | 1.407.009 | 91,0% | 1.698.205 | 99,9% | 752.836 | 96,0% |

Nguồn: VLF

Hình 6: % Cơ cấu Chi phí/Doanh thu thuần



Mức giá vốn hàng bán năm 2009 chiếm tỷ lệ cao so với các năm khác, tương đương 95% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ. Điều này là do hàng tồn kho đầu năm 2009 của Công ty ở mức giá cao, khối lượng nhiều, trong khi thị trường gạo năm 2009 ảm đạm hơn so với năm 2008. Tuy nhiên, do Vinh Long Food là công ty xuất khẩu, nên lợi nhuận từ hoạt động tài chính cũng đóng góp một phần đáng kể vào lợi nhuận Công ty. Cụ thể, năm 2009 đạt 39 tỷ lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính do chênh lệch tỷ giá.

Ngoài giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu, các chi phí khác giữ ở mức thấp. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2009 giảm so với năm 2008, nằm ở mức 2,71% và 1,89% trên doanh thu thuần.

6.4. Trình độ công nghệ

Trình độ công nghệ hiện tại

Hiện tại, Công ty đang tập trung đầu tư nâng cấp các thiết bị máy móc và phát huy hết công suất để tạo đủ nguồn hàng cho xuất khẩu, khắc phục tình trạng thuê gia công như trong thời gian qua vì khó kiểm soát chất lượng.

Công ty cũng tiến hành mua mới các thiết bị, máy móc hiện đại, tiết kiệm điện để thay thế dần lao động chân tay và các máy móc cũ ở một số công đoạn quan trọng nhằm rút ngắn thời gian sản xuất, cho ra gạo đúng chất lượng yêu cầu và cho ra tỷ lệ gạo thành phẩm cao. Đồng thời giúp giảm thất thoát trong quá trình chế biến, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành phẩm.

Công ty còn thực hiện lắp đặt hệ thống băng tải phủ khắp để nâng cao năng lực nhập xuất gạo, giúp công ty có thể mua gạo nhiều hơn trong giai đoạn giá gạo tăng nhanh hoặc rút ngắn thời gian bốc xếp gạo từ kho xuống phương tiện vận chuyển. Điều quan trọng hơn cả là Công ty không phải phụ thuộc quá nhiều vào công nhân lao động bốc xếp.

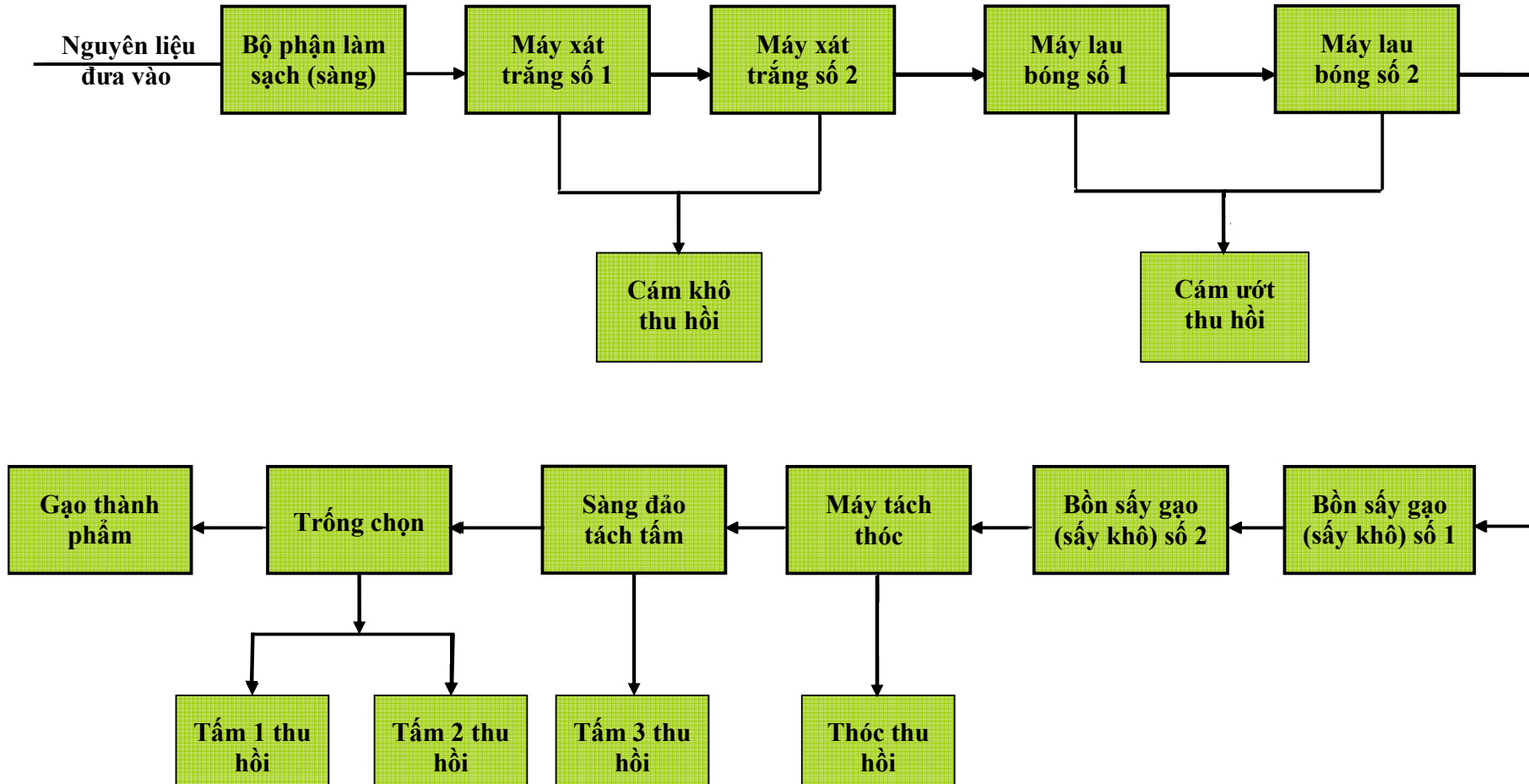
Ngoài ra, Công ty cũng đầu tư mở rộng kho chứa để có thể dự trữ khối lượng lớn vào thời gian thu hoạch cao điểm, tận dụng được mức giá đầu vào rẻ và bán ra với mức giá cao nhất.

Công ty còn chú ý cải thiện tổ chức sản xuất ngày càng hợp lý, tạo điều kiện cho công nhân sử dụng hiệu quả tối đa giờ lao động trong ngày, để tăng hiệu suất máy móc và tăng thu nhập cho họ.





Hình 7: Quy trình sản xuất mặt hàng gạo





Tổng công suất máy cho 1 dây chuyền lau bóng gạo là 8 - 10 tấn/giờ : 500 KW.

Hiện nay tại Công ty, các dây chuyền máy lau bóng gạo được lắp đặt theo mô hình dây chuyền lau bóng đôi nhằm tăng năng suất chế biến và đáp ứng được nhu cầu của thị trường cần nhiều loại gạo khác nhau.

Dây chuyền này có nhiều ưu điểm nổi trội như : chi phí đầu tư hợp lý, dễ sử dụng, không kén nguyên liệu (có thể chạy được nguyên liệu có ẩm độ cao), năng suất cao, ít tiêu hao năng lượng và nhất là làm ra sản phẩm đúng với tiêu chuẩn yêu cầu.

Để giảm giá thành đầu tư, Công ty tận dụng thiết bị sẵn có và lắp chèn thêm thiết bị vào các dây chuyền hiện hữu một cách sáng tạo để nâng cao tính khả thi và hiệu quả sử dụng của các dây chuyền .

Hệ thống máy móc thiết bị dây chuyền xát trắng – đánh bóng gạo :

Thuyết minh qui trình

Nguyên liệu được nạp qua bộ phận làm sạch (sàng tạp chất) để loại bỏ các tạp chất còn lẫn trong hạt.

Nguyên liệu sau khi làm sạch qua hệ thống máy xát trắng. Trong khâu này, tùy theo chất lượng nguyên liệu đưa vào (độ ẩm hạt, hạt vàng, hạt đỏ...) tổ vận hành máy sẽ vận hành mức độ thích hợp để đạt được độ trắng hạt theo yêu cầu để hạn chế được tỷ lệ gạo gãy.

Nguyên liệu tiếp tục qua các máy lau bóng 1 và máy lau bóng 2. Tùy theo yêu cầu chất lượng thành phẩm mà tổ vận hành máy điều chỉnh độ phun sương để đạt độ bóng thích hợp.

Tại bồn chứa bán thành phẩm gạo được sấy để đạt độ ẩm theo yêu cầu.

Sau đó, gạo được đưa qua bộ phận tách hạt tách ra gạo thành phẩm, tấm 1, tấm 2 và tấm 3.

Ngoài ra trong quá trình vận hành gạo nguyên liệu còn đi qua bộ phận sàng tách thóc để loại thóc còn lẫn trong nguyên liệu trong khâu xay xát.

Mô tả cụ thể

1. **Cân nhập liệu:** Gạo lúc nhập mua qua cân điện tử liệu rời năng suất 60 tấn/giờ , đưa vào các ngăn silo của mỗi dây chuyền máy thông qua các bù đài, hệ thống băng tải nhập.
2. **Silo (Thùng chứa) nguyên liệu:** Silo (thùng chứa) nguyên liệu có sức chứa 300 tấn chia làm 2 ngăn, mỗi ngăn chứa 150 tấn nên có thể sản xuất 2 loại gạo.
3. **Sàng tạp chất:** Từ silo nguyên liệu sẽ qua sàng tạp chất để loại bỏ các tạp chất có trong gạo lúc.
4. **Máy xát trắng:** Gạo lúc sau khi tách tạp chất được lần lượt qua 2 lần xát nối tiếp. Hiện tại các dây chuyền trong Công Ty sử dụng các máy xát trắng có công suất lớn của các hãng chế tạo máy trong nước sản xuất với chất lượng thiết bị khá tốt và nhiều tính năng nổi trội



- về mức xát trắng, tỷ lệ phá thóc cao và mức tiêu hao vật tư, năng lượng thấp có năng suất từ 6 đến 10 Tấn / giờ như máy xát trắng Bùi Văn Ngọ, Máy xát trắng Lamico cơ khí Long An.
5. **Máy lau bóng:** Gạo lúc đã được xát trắng hoàn toàn sẽ được qua 2 lần đánh bóng nối tiếp nhằm đảm bảo độ bóng, gạo sạch mặt đáp ứng các tiêu chuẩn yêu cầu cũng như thời gian bảo quản lâu hơn. Tương tự như máy xát trắng, các máy lau bóng ở các dây chuyền xay xát – lau bóng gạo trong Công ty luôn được cải tiến và đầu tư thay mới bằng các máy đánh bóng có năng suất cao, tỷ lệ bóc cám đạt yêu cầu, tỷ lệ gãy vỡ thấp (dưới 1,5%), điều khiển thuận tiện, an toàn, kết cấu máy vững chắc, các chi tiết chuyển động được cân bằng tốt nên có độ bền sử dụng lâu. Các máy lau bóng có năng suất và hiệu suất sử dụng cao từ 6 đến 8 tấn / giờ của các hãng chế tạo trong nước như SinCo, Lamico đang được sử dụng hiệu quả trong các dây chuyền lau bóng tại các Xí Nghiệp trực thuộc Công ty.
 6. **Hệ thống sấy:** Gạo sau khi qua lau bóng sẽ được xử lý qua hệ thống sấy. Trước đây, mỗi dây đơn thường có 2 thùng sấy tròn dưới dạng tháp sấy liên tục chỉ giảm nhiệt độ từ 1 đến 2%. Hiện nay tại Công Ty đã đầu tư lắp các thùng sấy vuông có hệ thống đưa hơi nóng vào và lấy hơi ra cưỡng bức theo kiểu Zich Zác giúp giảm độ ẩm từ 2 đến 4 độ, có độ đồng đều cao, hạn chế gạo bị vàng, cháy phù hợp với việc xử lý gạo nguyên liệu có độ ẩm cao, các thùng sấy tròn sẽ được tận dụng làm thùng sấy nguội (sấy gió) ngay sau khi qua thùng sấy ZichZác. Sức chứa của sấy ZíchZác từ 6 đến 11 Tấn.
 7. **Máy tách thóc:** Máy tách thóc hiện nay được sử dụng phổ biến trong các dây chuyền xát trắng – lau bóng gạo là máy tách thóc đôi BGM – 14 Bùi Văn Ngọ vì khả năng tách thóc và năng suất cao, ít tiêu hao điện năng, dễ sử dụng.
 8. **Sàng đảo – trống chọn:** Gạo sau khi qua máy tách thóc sẽ được chuyển qua sàng đảo – trống chọn để tách và phân loại từng loại ra khỏi hỗn hợp gạo và tằm dựa trên sự phân cách về thể tích và kích thước chiều dài của từng loại tằm. Hiện tại các dây chuyền xát trắng – lau bóng trong Công ty sử dụng sàng đảo trống chọn SinCo kiểu SF 100 – LS 80 năng suất 6 – 8 Tấn/ giờ được thiết kế theo công nghệ mới, kết cấu ổn định, cho năng suất và độ chính xác cao, dễ sử dụng, có thể tách ra nhiều loại gạo theo yêu cầu.
 9. **Silo (Thùng chứa) thành phẩm:** Các gạo tằm thành phẩm sau khi qua hệ thống trống đảo được các băng tải, bù dài vận chuyển đưa vào các ngăn riêng biệt của thùng thành phẩm có sức chứa từ 250 tấn trở lên để đóng gói chất cây hoặc phối trộn lại thông qua các bộ phận định lượng và máy tách màu
 10. **Máy tách màu:** Máy tách màu có nhiệm vụ lựa – loại ra các hạt gạo hư, vàng, sọc đỏ, đục...trong gạo thành phẩm. Máy tách màu hiện đang sử dụng tại các Xí Nghiệp trong Công ty là máy tách màu SATAKE Nhật Bản có năng suất 8-9 tấn/giờ có tính ổn định cao, phần mềm mới được lập trình trước, việc vận hành dễ dàng hơn, loại trừ khả năng thay đổi



kết quả bất thường do lỗi của con người, có thể bảo trì, sửa chữa nhanh chóng.

11. **Phần thu gom cám:** Các cyclone cám được lắp đặt 2 dãy song song (1 dãy cám sát, 1 dãy cám lau) dưới 2 dãy có máng vít tải để tập trung thu gom cám chuyển ra ngoài qua cân đóng bao. Nhờ có buồng thu cám tách biệt nên trong kho không bụi bẩn, đảm bảo vệ sinh công nghiệp kho tàng.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Hiện tại Công ty đã thành lập một bộ phận nghiên cứu và phát triển gồm các thành viên có trình độ nghiệp vụ cao và có óc sáng tạo, nhạy bén, nhằm nghiên cứu ra các sản phẩm mới, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và ngoài nước.

Công ty cũng tích cực nghiên cứu các sản phẩm và quy trình sản xuất mới nhằm giảm thời gian sản xuất và hạn chế tỷ lệ phế phẩm.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách khen thưởng sáng kiến cho bộ phận nghiên cứu theo hiệu quả của sáng kiến đó đem lại để khuyến khích họ phát huy năng lực của mình

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Vinh Long Food chuyên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh xuất khẩu gạo, hàng hóa lương thực thực phẩm chế biến, nhập khẩu phân bón... qua nhiều năm hoạt động và phát triển, kinh doanh trong cơ chế thị trường, hội nhập ngày càng sâu vào khu vực và quốc tế, đem lại cho Công ty nhiều cơ hội, nhưng không ít rủi ro và thách thức. Mục tiêu chiến lược của Công ty là “cung cấp cho khách hàng các loại lương thực có chất lượng đảm bảo với giá cả cạnh tranh nhất”. Công ty nhận thức rằng: việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng ổn định phù hợp với tiêu chuẩn, các chuẩn mực cụ thể và được công nhận bởi cơ quan chuyên môn là yêu cầu thiết yếu giúp Công ty kiểm soát sản xuất, cải tiến năng suất cũng như tạo dựng niềm tin với khách hàng, người tiêu dùng và cộng đồng, đó cũng là giấy thông hành giúp Công ty vượt qua các rào cản kỹ thuật của thị trường.

Để thực hiện mục tiêu, ngay từ năm 2001, Công ty đã xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 và được tổ chức UKAS (Vương quốc Anh) đánh giá chứng nhận. Từ đó đến nay, Công ty đã mở rộng phạm vi áp dụng đến 5 trong 6 xí nghiệp chế biến lương thực trong Công ty và sẽ tổ chức đánh giá xí nghiệp còn lại trong năm 2009. Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 giúp kiểm soát sản xuất chặt chẽ, các quá trình thực hiện mang tính khoa học, hợp lý và cung cấp cho thị trường sản phẩm có chất lượng ổn định đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Chính sách chất lượng

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết tạo điều kiện và duy trì môi trường hoạt động hướng tới chất lượng, điều hành hoạt động theo phương châm “*Lắng nghe và đáp ứng vượt sự mong đợi*”



của khách hàng”.

Công ty luôn phấn đấu để trở thành một trong những Công ty đứng đầu trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng trong nước cũng như xuất khẩu. Để đạt được chính sách trên, chúng tôi cam kết thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Cung cấp cho khách hàng các loại sản phẩm theo tiêu chuẩn thỏa thuận và dịch vụ chất lượng cao với giá cả cạnh tranh.
- Ngày càng hoàn thiện hệ thống tổ chức, đào tạo và đào tạo lại cán bộ nhân viên có đủ trình độ và tay nghề để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.
- Khai thác các kênh thông tin và tăng cường công tác tiếp thị để mở rộng thị phần, thị trường tiêu thụ.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, chú trọng kinh doanh các mặt hàng lương thực thực phẩm chất lượng cao.
- Đa dạng hóa ngành hàng kinh doanh.
- Cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng.

Tất cả các hoạt động kinh doanh, sản xuất sản phẩm và dịch vụ của công ty đều tuân thủ các nguyên tắc của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000, bao gồm 8 nguyên tắc sau:

- Tổ chức chú trọng vào khách hàng,
- Vai trò lãnh đạo,
- Mọi người đều tham gia,
- Tiếp cận theo quá trình,
- Quản lý theo hệ thống,
- Cải tiến liên tục,
- Quyết định theo sự kiện,
- Quan hệ cùng có lợi với nhà cung cấp.

Và trên cơ sở 6 thủ tục cơ bản:

- Thủ tục kiểm soát hồ sơ
- Thủ tục kiểm soát tài liệu
- Thủ tục đánh giá nội bộ
- Thủ tục xem xét của lãnh đạo
- Thủ tục hành động khắc phục
- Thủ tục hành động phòng ngừa



Ngoài ra, công ty còn áp dụng trên 20 thủ tục và hướng dẫn khác, cụ thể:

- Thủ tục mua hàng
- Thủ tục bán hàng và xem xét hợp đồng
- Thủ tục đánh giá nhà cung ứng
- Thủ tục kiểm soát kế hoạch sản xuất và qui trình sản xuất
- Thủ tục kiểm soát sản phẩm không phù hợp
- Thủ tục đo lường theo dõi sản phẩm
- Thủ tục tuyển dụng, đào tạo.
- Thủ tục bảo trì thiết bị, nhà xưởng
- Hướng dẫn kiểm tra chất lượng bao bì
- Hướng dẫn thu thập ý kiến khách hàng
- Hướng dẫn thông tin nội bộ
- Hướng dẫn sử dụng các loại máy trong dây chuyền lau bóng gạo
- Lưu kho, bảo quản, đóng gói
- Hướng dẫn kiểm tra thiết bị đo
- Hướng dẫn xịt mọt

Trên cơ sở phát huy những cải tiến như cam kết, các năm qua, Công ty đã đổi mới trang thiết bị, đầu tư mua sắm và cải tiến hệ thống chế biến gạo tại các Xí nghiệp trực thuộc có khả năng chế biến các loại gạo có phẩm chất cao như gạo thơm, jasmine, gạo 5% tấm... Quy trình chế biến, kế hoạch kiểm soát sản xuất và kiểm soát chất lượng gạo được văn bản hóa thành các tài liệu hướng dẫn nhằm đảm bảo sự nhất quán trong quá trình sử dụng cũng như giúp kiểm soát các quy trình hợp lý và khoa học hơn. Các công đoạn trong quy trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, nhanh chóng phát hiện và xử lý kịp thời khi phát sinh sản phẩm không phù hợp nhằm cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng tốt nhất với giá cả cạnh tranh nhất.

6.7. Hoạt động Marketing

Giải pháp về sản phẩm: Công ty hiện vẫn đang sản xuất ra các sản phẩm gạo từ 5% đến 25% tấm, gạo thơm Jasmine và nếp. Các chủng loại sản phẩm này cũng tương tự như sản phẩm của các công ty trong ngành nên khả năng cạnh tranh không cao. Do vậy chiến lược của Công ty là tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm theo các trình tự sau đây:

- Nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có bằng cách tăng cường chế biến các sản phẩm có tỷ lệ tấm thấp (5% - 10% tấm) và giảm dần các sản phẩm 15% - 25% để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các nước nhập khẩu và thâm nhập sâu hơn vào các thị trường truyền



thống.

- Chế biến mới các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, tập trung và các loại gạo đặc sản, nếp. Từ đó làm cơ sở để phát triển sang các thị trường mới và các thị trường khó tính, bởi các thị trường này tuy khắt khe về chất lượng nhưng nếu đáp ứng được thì lợi nhuận thu được rất cao.
- Đối với sản phẩm bày bán ở thị trường nội địa, cần thiết kể bao bì hấp dẫn, bắt mắt, trên bao bì cần thể hiện rõ thương hiệu công ty, nhãn hiệu sản phẩm, trọng lượng và các chỉ tiêu chất lượng. Đây là bước đi đầu tiên để công ty xây dựng hình ảnh của mình ở thị trường nội địa.
- Đa dạng hóa trọng lượng và mẫu mã sản phẩm (trọng lượng nhỏ nhất là 2kg) cho phù hợp với túi tiền và tiện lợi cho người tiêu dùng chọn lựa, đáp ứng đúng thị hiếu tiêu dùng của từng vùng.

Giải pháp về giá: Cũng như các công ty xuất khẩu gạo khác trong ngành, giá gạo xuất khẩu của công ty thời gian qua chủ yếu được định vị dựa trên mức giá trên thị trường thế giới và báo giá của hiệp hội, do vậy công ty không thể chủ động trong việc định giá của mình. Tuy nhiên, vấn đề hiện nay Công ty cần thực hiện là quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất, thu mua và bảo quản để hạ giá thành sản xuất, tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao về giá. Như vậy sẽ giúp công ty ít bị thiệt hại đối với biến động giá bất lợi trên thị trường.

Đối với sản phẩm sắp đưa vào tiêu thụ ở thị trường nội địa, công ty nên định vị ở mức giá bằng với mức giá trung bình ngành, như vậy khi cộng với giá trị thương hiệu của công ty sẽ khiến cho người tiêu dùng có tâm lý đang được sử dụng sản phẩm chất lượng cao với giá rẻ. Như thế, việc đưa gạo Công ty đến tay người tiêu dùng nội địa và đưa thương hiệu công ty vào lòng khách hàng sẽ thuận lợi hơn.

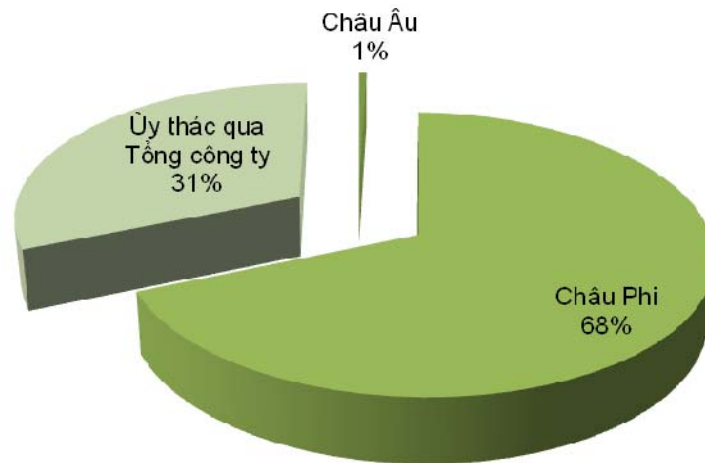
Giải pháp về phân phối: Đến nay, Công ty vẫn chưa xây dựng được kênh phân phối nội địa, còn kênh phân phối xuất khẩu cũng chưa chủ động hoàn toàn (do một phần không nhỏ là xuất khẩu thông qua trung gian). Điểm yếu này khiến cho Công ty bị giảm lợi nhuận và không có điều kiện nắm bắt thông tin cũng như quảng bá cho thương hiệu gạo của mình. Do vậy, vấn đề trước mắt là công ty cần quan tâm đầu tư thích đáng cho việc xây dựng kênh phân phối thông qua các hướng sau:

- **Quảng bá thương hiệu:** Công ty chú trọng quảng cáo thương hiệu, tham gia các hiệp hội, tổ chức xúc tiến thương mại, đầu tư trong và ngoài nước, cũng như phòng thương mại các nước. Bên cạnh đó, Công ty còn gửi catalogue quảng cáo, thư mời, email, tham gia hội chợ, hội thảo... không những để quảng bá cho thương hiệu Vinh Long Food, qua đó Công ty còn có thể tiếp xúc trực tiếp khách hàng tiềm năng, tìm kiếm và tiếp cận khách hàng.



- **Chính sách khách hàng:** Tạo dựng chính sách chăm sóc khách hàng tốt nhất, tạo sự hài lòng cao nhất cho khách hàng. Sử dụng khách hàng cũ như một kênh chiến lược để tìm được nguồn khách hàng mới.

Hình 8: Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Vinh Long Food năm 2009



6.8. **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền**

Logo và nhãn hiệu Công ty:



Nhãn hiệu hàng hoá của Công ty đang được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, theo thông báo chấp nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 26335 do Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 03/07/2006.



6.9. Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện

Bảng 12: Các hợp đồng đã hoàn tất trong năm 2009

| STT | Khách hàng | Thị trường | | | |
|------------------------------------|-------------|---------------|----------------------|----------------|----------------------|
| | | Châu Âu | | Châu Phi | |
| | | SL (tấn) | TT (USD) | SL (tấn) | TT (USD) |
| A. Trực tiếp | | 773 | 404.100,00 | 110.134 | 43.724.099,95 |
| 1 | ADM | | | 56.717 | 22.720.807,73 |
| 2 | OVLAS | | | 14.000 | 5.037.000,00 |
| 3 | Nidera | | | 8.299 | 3.161.131,40 |
| 4 | CIC | | | 6.785 | 2.477.944,88 |
| 5 | CAPEZZANA | | | 6.300 | 2.976.129,84 |
| 6 | OLAM | | | 7.583 | 3.216.961,10 |
| 7 | Phoenix | | | 5.600 | 2.245.625,00 |
| 8 | SEA | | | 2.850 | 1.118.500,00 |
| 9 | Novel | | | 2.000 | 770.000,00 |
| 10 | Song | 438 | 245.280,00 | | |
| 11 | CROWNTION | 215 | 108.575,00 | | |
| 12 | Golden East | 100 | 41.000,00 | | |
| 13 | Nguyệt Bảo | 20 | 9.245,00 | | |
| B. Ủy thác qua Tổng công ty | | 50.500 | 20.904.113,38 | | |

Nguồn: VLF

Bảng 13: Các hợp đồng đã và đang thực hiện trong năm 2010

| STT | Khách hàng | Thị trường | | | | | |
|--|--------------|----------------|-------------------|---------------|-----------------------|-----------------|----------------------|
| | | Châu Âu | | Châu Phi | | Châu Á | |
| | | SL(tấn) | TT(USD) | SL(tấn) | TT(USD) | SL(tấn) | TT(USD) |
| Các hợp đồng đã hoàn tất | | | | | | | |
| A. Trực tiếp | | 1.004,5 | 299.341,00 | 43.950 | 15.008.979,450 | 18.490 | 6.405.480,00 |
| 1 | ADM | | | 10.000 | 3.608.981,22 | 1.960 | 913.200,00 |
| 2 | CAPEZZANA | | | 2.000 | 587.993,23 | | |
| 3 | OLAM | | | 9.450 | 3.390.900,00 | | |
| 4 | Phoenix | | | 5.000 | 1.525.000,00 | 5.250 | 1.552.950,00 |
| 5 | GOLDEN GRAIN | | | 1.500 | 555.105,00 | | |
| 6 | BENEO | 1.004,5 | 299.341,00 | | | | |
| 7 | GLOBEX | | | | | 1.250 | 430.000,00 |
| 8 | REGINGTON | | | | | 500 | 178.500,00 |
| 9 | SHANKARS | | | 1.000 | 429.000,00 | | |
| 10 | RICH WELL | | | | | 4.530 | 1.555.830,00 |
| 11 | SHENZHEN | | | | | 5.000 | 1.775.000,00 |
| 12 | LEADERS | | | 15.000 | 4.912.000,00 | | |
| B. Ủy thác qua Tổng Cty | | | | | | 34.164,9 | 16.553.805,89 |
| Các hợp đồng đang được tiếp tục thực hiện | | | | | | | |
| A. Trực tiếp | | 0 | 0,00 | 9.000 | 2.841.000,000 | 0 | 0,00 |
| 1 | Phoenix | | | 9.000 | 2.841.000,00 | | |
| B. Ủy thác qua Tổng Cty | | | | | | 9.505,45 | 3.889.312,56 |

Nguồn: VLF



7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm và 6 tháng đầu năm 2010

Bảng 14: Chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | 6 tháng đầu năm 2010 |
|-----|--|-----------|-----------|----------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 260.259 | 437.082 | 635.101 |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.546.081 | 1.698.987 | 786.603 |
| 3 | Lợi nhuận từ HĐKD | 103.728 | 39.869 | 44.589 |
| 4 | Lợi nhuận khác | (1.979) | 2.155 | 634 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 101.749 | 42.024 | 45.223 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 101.749 | 31.683 | 33.999 |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/mệnh giá CP | 145,0% | 20,0% | |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QII/2010

Trong năm 2008, lợi nhuận Công ty nói riêng và ngành gạo nói chung tăng đột biến. Đơn giá xuất khẩu bình quân/tấn gạo năm 2008 là 534 USD/tấn, trong khi năm 2007 là 302 USD/tấn.

Lợi nhuận sau thuế 2009 giảm so với năm 2008 là do giá gạo bán ra sụt giảm so với năm 2008, trong khi lượng tồn kho đầu năm 2009 tương đối lớn, với giá vốn cao, chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu thuần.

Năm 2010, Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm đạt 33,99 tỷ, tương đương 107% năm 2009.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

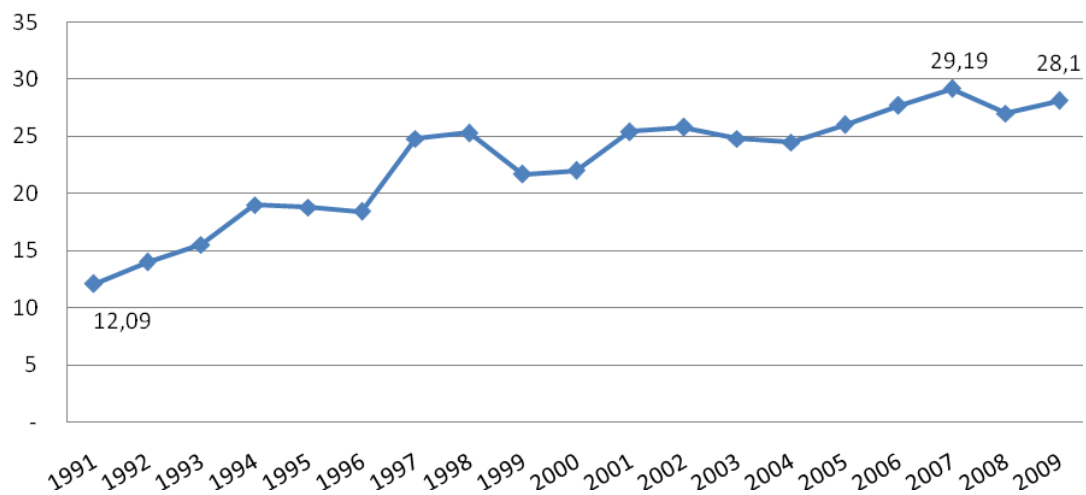
Trong năm 2009, Ban lãnh đạo và nhân viên Công ty đã nỗ lực rất nhiều trong việc hoàn thiện hơn hệ thống quản lý, mở rộng thị trường tiêu thụ, tìm kiếm thêm các đối tác và khách hàng mới. Công ty hiện có những thuận lợi và khó khăn sau:

Thuận lợi

- **Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ:** Gạo là một trong những mặt hàng xuất khẩu đem về nguồn ngoại tệ lớn cho đất nước, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của đất nước và ảnh hưởng đến cuộc sống của hàng triệu nông dân. Do vậy, ngành kinh doanh lương thực rất được sự quan tâm và hỗ trợ phát triển của Chính phủ thông qua các chính sách như ưu đãi tín dụng (hỗ trợ lãi vay đối với gạo thu mua tạm trữ, hỗ trợ lãi suất thấp đối với đầu tư xây dựng mới kho chứa); ưu đãi về thuế (giãn, miễn thuế TNDN, thuế GTGT); xúc tiến thương mại.

- **Nhu cầu nhập khẩu gạo thế giới năm 2009:** Nhu cầu nhập khẩu gạo toàn thế giới năm 2009 đạt 28,1 triệu tấn, tăng 4,07% so với năm 2008. Nguyên nhân chính là do sụt giảm sản lượng sản xuất tại các nước nhập khẩu chính như Philippines, Indonesia, Braxin... nên các nước này đã tăng khối lượng nhập khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng gạo trong nước cũng như đảm bảo nguồn dự trữ và an ninh lương thực. Nhu cầu nhập khẩu gạo thế giới tăng là điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu gạo Việt Nam trong năm qua. Cụ thể, theo thống kê của Hiệp hội lương thực Việt Nam, mức xuất khẩu gạo cả nước đạt 6.006.697 tấn, với tổng giá trị là 2,437 tỷ USD. So với năm 2008, lượng gạo xuất khẩu năm 2009 tăng 28,37%.

Hình 9: Nhu cầu nhập khẩu gạo thế giới tăng trong năm 2009 (triệu tấn)



Nguồn: Agromonitor

- **Chất lượng gạo Việt Nam ngày càng được nâng cao:** Chất lượng gạo được xem là yếu tố quyết định trong cạnh tranh xuất khẩu. Trong các năm qua, Nhà nước đã đầu tư rất nhiều cho công tác nghiên cứu lai tạo ra các giống lúa mới có năng suất cao, kháng sâu rầy, chất lượng tốt đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu, phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng canh tác. Các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty Cổ Phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long nói riêng đã mạnh dạn đầu tư cho công nghệ chế biến như phơi sấy, xay xát, lau bóng và bảo quản.
- **Nguồn lao động:** Xay xát, chế biến gạo là ngành đòi hỏi khá nhiều lao động phổ thông lẫn lao động có chuyên môn cao. Tuy vậy, nguồn lao động của tỉnh Vĩnh Long nói chung và tại ĐBSCL nói riêng rất dồi dào. Nơi đây còn là tâm điểm của nhiều trường Đại Học, Trung học chuyên nghiệp và các trung tâm giáo dục (điển hình là trường Đại học Cần Thơ, Đại học Cửu Long, Trung học Kỹ Thuật Lương Thực Thực Phẩm, Cao đẳng Xây dựng Miền Tây, Cao đẳng sư phạm kỹ thuật, Cao đẳng Kinh tế Tài chính) nên việc tuyển dụng nguồn lao động



có chuyên môn cũng rất thuận lợi. Bên cạnh đó thì đối tượng được đào tạo về chuyên ngành Nông nghiệp, Quản trị kinh doanh nông nghiệp – những ngành phục vụ tích cực cho phát triển nông nghiệp đang rất được các trường quan tâm và nâng cao số lượng lẫn chất lượng đào tạo. Đây là tiền đề quan trọng hỗ trợ tích cực cho sự phát triển vươn lên của ngành xuất khẩu gạo trong thời gian tới.

▪ ***Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn có:***

- Cơ sở vật chất, nhà xưởng, máy móc thiết bị, trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm tổ chức quản lý SXKD, mối quan hệ liên doanh, liên kết với đối tác, khách hàng đã có một quá trình xây dựng, phát triển, trải qua thử thách, đã đứng vững và khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường trong nước và ngoài nước.
- Đã xác lập được mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gạo các loại, tổ chức hoạt động giao nhận hàng xuất khẩu có nghiệp vụ cao, vững vàng, tin cậy và có uy tín với khách hàng và gần như không có đối thủ cạnh tranh.
- Có uy tín cao với ngân hàng, được các ngân hàng tin tưởng, giúp đỡ tận tình về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.
- Có đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu ngành lương thực.

Khó khăn:

- Sau 03 năm chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty đã phải đối mặt với không ít khó khăn do thị trường lương thực thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Giá lương thực thực phẩm trong nước biến động tăng mạnh;
- Nhu cầu vốn của Công ty trong năm là khá lớn, giá trị hàng tồn kho lớn, chi phí lãi vay là áp lực lớn vì hiện nay vốn lưu thông phần lớn vay từ ngân hàng;
- Giá xăng dầu trong nước và thế giới tăng cao kéo theo giá các loại vật tư hàng hóa đầu vào tăng mạnh, giá cước và phương tiện vận tải cũng tăng theo đã xảy ra tình trạng khan hiếm phương tiện, nên việc tàu vào chậm rất thường xuyên, phương tiện phải chờ đợi nên càng sốt phương tiện trầm trọng trong chuyển gạo lên Cảng, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản lượng xuất gạo Việt Nam năm 2009 tăng về khối lượng nhưng lại giảm về giá trị, dẫn đến cơ cấu giá vốn hàng bán trên doanh thu tăng cao, giảm lợi nhuận trong năm;
- Cơ chế điều hành xuất khẩu gạo của Nhà Nước còn chưa ổn định;
- Các chính sách quản lý của Nhà nước về kinh tế, ngân hàng như chống lạm phát, siết chặt tín dụng; Chính sách bảo hộ nông nghiệp của các nước nhập khẩu gạo.



8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Bảng 15: Vị trí của Vinh Long food khi so sánh với Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam năm 2009 (tính theo giá trị hợp đồng)

| Doanh nghiệp | Sản lượng XK (tấn) | Xếp hạng |
|---|--------------------|------------|
| Tổng công ty lương thực miền Nam | 2.059.382 | 1 |
| Tổng công ty lương thực miền Bắc | 414.842 | 2 |
| Công ty lương thực Long An | 344.584 | 3 |
| Hợp tác xã Thành Lợi | 247.948 | 4 |
| Công ty cổ phần kinh doanh nông sản Kiên Giang | 171.991 | 5 |
| Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vinh Long | 165.241 | (*) |
| Công ty cổ phần lương thực Đồng Tháp | 113.353 | |
| Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang | 115.088 | 6 |
| Công ty TNHH Tân Thạnh An | 112.606 | 7 |
| Công ty cổ phần XNK Kiên Giang | 114.905 | 8 |
| Công ty cổ phần Gentraco | 101.110 | 9 |
| Công ty cổ phần XNK Vĩnh Long | 97.062 | 10 |

Nguồn: AGROINFO, tính theo Tổng cục Hải quan (số liệu 11 tháng đầu năm 2009), và VLF (số liệu cả năm 2009)

Ghi chú (): Tổng sản lượng xuất khẩu của VLF đạt 165 ngàn tấn gạo năm 2009, trong đó xuất khẩu trực tiếp đạt 111 ngàn tấn, ủy thác qua Hiệp hội là 54 ngàn tấn.*

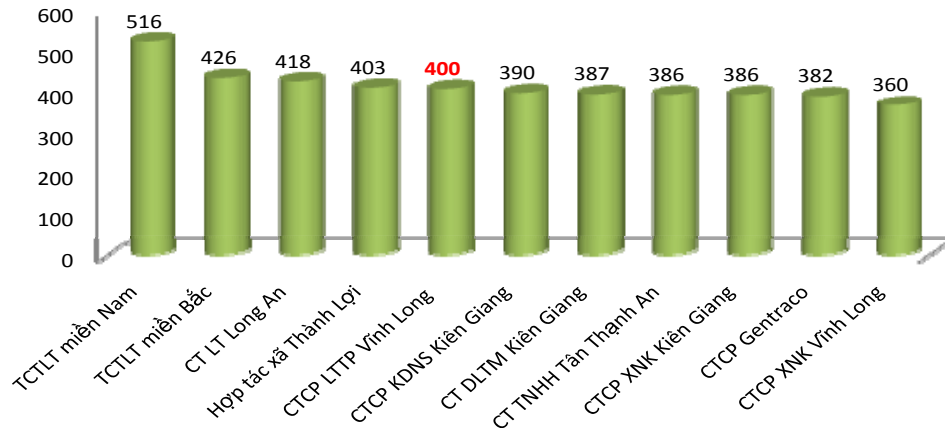
Hiện tại, VLF là đơn vị kinh doanh lương thực thực phẩm có truyền thống lâu năm, có quy mô khá trong ngành, trong khối thương mại kinh doanh về lương thực thực phẩm. Công ty là một trong những doanh nghiệp hàng đầu (về quy mô và hiệu quả, lành mạnh về tài chính) có văn phòng đại diện đặt tại TPHCM và mạng lưới thu mua chế biến hoạt động kinh doanh khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Bên cạnh đó, uy tín của Công ty trong những năm qua đã được khẳng định. Thương hiệu Vinh Long Food đã khá quen thuộc trong ngành lương thực thực phẩm. Cụ thể, tổng sản lượng gạo xuất khẩu trong năm 2009 của VLF đạt trên 165 ngàn tấn, ở mức tương đối cao khi so với top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo (số liệu của top 10 doanh nghiệp dựa trên sản lượng xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2009). Công ty cũng đang tăng cường đẩy mạnh xuất khẩu trực tiếp vào các thị trường nhập khẩu và cũng đang phấn đấu đạt giá trị xuất khẩu trực tiếp và nằm trong top 10 doanh nghiệp trong thời gian tới.

Ngoài ra, giá xuất khẩu gạo trung bình của top 10 các doanh nghiệp lớn trong có mức giá xuất khẩu trung bình năm 2009 cao nhất là 516 USD/tấn, tiếp đến là 426, 418, 403 USD/ tấn. Mức

giá xuất khẩu gạo năm 2009 của Công ty đạt 400 USD/tấn, đây cũng là một mức giá khá cao khi so với các doanh nghiệp còn lại trong top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo, phản ánh khả năng nổi trội trong hoạt động kinh doanh mặt hàng gạo của VLF.

Hình 10: Giá gạo xuất khẩu của Vinh Long Food so với Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam (USD/tấn)



Dưới đây là một số lợi thế cạnh tranh nổi bật của Vinh Long Food so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực:

- Vinh Long Food có đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ bán hàng dày dặn kinh nghiệm trong nhiều năm qua; Có mối quan hệ mua bán với nhiều doanh nghiệp lớn có sự ổn định lâu dài; Là đơn vị kinh doanh trong nhiều năm có lãi được các Ngân hàng hỗ trợ về tài chính;
- Vinh Long Food luôn xây dựng một chính sách giá phù hợp và mang tính cạnh tranh cao nhằm cung cấp cho khách hàng một mức giá tốt nhất, thông qua việc phân loại khách hàng theo từng nhóm đối tượng. Từ đó, Công ty đã xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng nhóm đối tượng khách hàng. Chính sách này ưu tiên đối với từng nhóm đối tượng khách hàng ở thời điểm hàng khan hiếm;
- Với hệ thống kho bãi được xây dựng đủ sức chứa cho 73.000 tấn hàng, Vinh Long Food hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu về số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách cũng như thời gian giao hàng của các hợp đồng có quy mô lớn;
- Vinh Long Food hiện đang là nhà cung cấp lương thực thực phẩm hàng đầu của các Nhà máy sản xuất lương thực thực phẩm trong nước với thị phần và tốc độ tăng trưởng ngày càng cao. Do vậy, Công ty luôn đạt được những thỏa thuận về thời gian giao hàng, phương thức thanh toán... theo hướng tốt nhất cho khách hàng cũng như Vinh Long Food;
- Vinh Long Food là nhà phân phối lương thực thực phẩm có uy tín và được các nhà cung

cấp các sản phẩm lương thực thực phẩm luôn có các chế độ ưu đãi chính sách về giá, tín dụng và các ưu đãi khác. Do đó, Vinh Long Food luôn có ưu thế cạnh tranh nhất định đối với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực và được xếp vào hàng ngũ những Công ty hoạt động có hiệu quả và có uy tín trong lĩnh vực phân phối lương thực thực phẩm.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

a/. Đánh giá thị trường lương thực thế giới trong các năm tới

Theo số liệu của Agromonitor, năm 2009, diện tích lúa toàn thế giới giảm gần 2,7% so với năm 2008 do ảnh hưởng bởi thời tiết không thuận lợi, đặc biệt là hạn hán tại Ấn Độ (nước chiếm 30% sản lượng gạo thế giới). Trong khi đó, nhu cầu nhập khẩu gạo năm 2009 tăng 4,07% so với năm 2008. Nhu cầu tiêu thụ gạo thế giới tăng trong khi sản lượng gạo giảm làm trữ lượng cuối kỳ năm 2009 giảm 2,3% so với năm 2008.

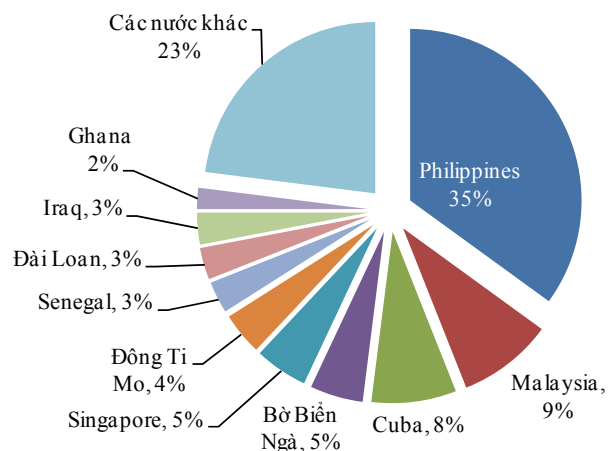
Bên cạnh đó, xuất khẩu gạo thế giới tăng mạnh, cụ thể là 7,86% so với năm 2008, trong đó Việt Nam đứng vị trí thứ ba các nước xuất khẩu gạo nhiều nhất trên thế giới.

Sản xuất và dự trữ gạo thế giới có xu hướng giảm trong khi thương mại lại tăng. Cụ thể theo Bộ nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), do bất lợi từ El – Nino nên sản lượng gạo thế giới năm 2010 dự kiến đạt 432 triệu tấn, giảm 0,44% so với năm 2009. Trong khi đó, Xuất khẩu gạo thế giới năm 2010 dự kiến tăng 6% so với năm 2009, đạt mức 30,35 triệu tấn.

b/. Triển vọng cho ngành xuất khẩu gạo Việt Nam

Năm 2009, thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam tiếp tục được mở rộng ra một số nước. Số khách hàng của gạo xuất khẩu Việt nam năm 2009 lên tới 152 quốc gia, tăng 18,8% so với năm 2008 và tăng 141,3% so với năm 2007. Trong đó, Philippines là khách hàng lớn nhất, chiếm khoảng 35% thị phần gạo xuất khẩu của Việt Nam. 3 thị trường truyền thống là Philippines, Malaysia và Cu Ba chiếm tới hơn 52% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt nam trong năm 2009.

Hình 11: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2009



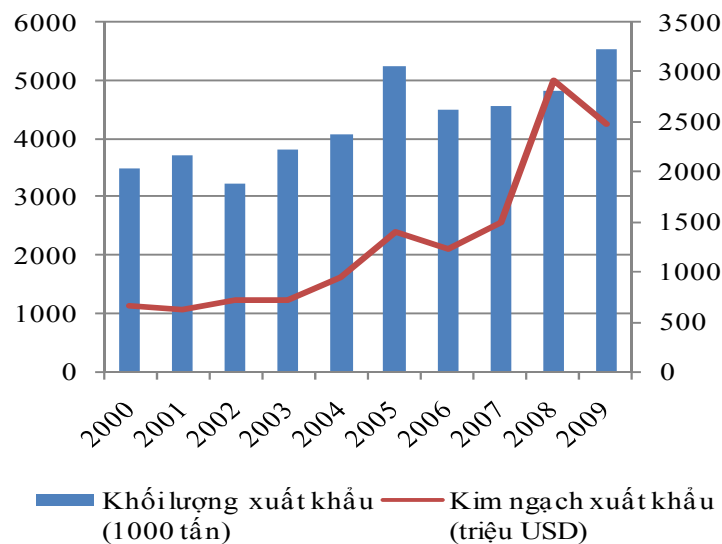
Nguồn: Agromonitor

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, triển vọng cung lúa gạo của Việt Nam năm 2010 được dự báo ở mức ổn định. Diện tích trồng lúa dự kiến duy trì gần bằng mức năm 2009, cụ thể là đạt 7,2 triệu ha. Sản lượng lúa dự kiến đạt 39,18 triệu tấn.

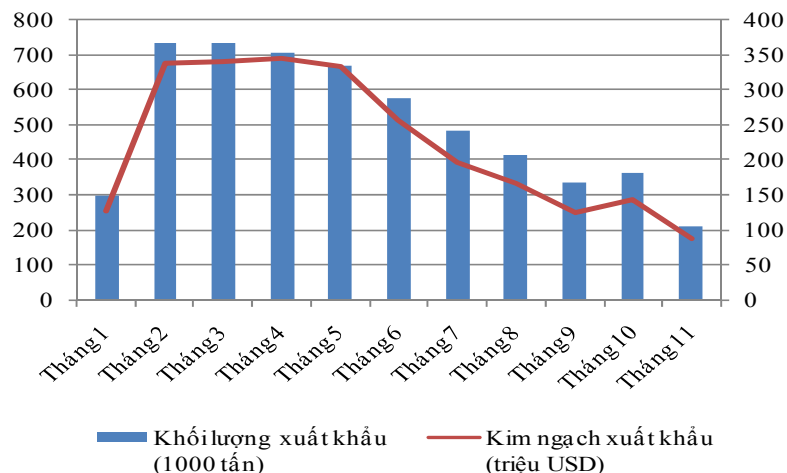
Xuất khẩu gạo của Việt Nam được USDA dự báo đạt mức 5,5 triệu tấn năm 2010.

Do lo ngại ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt làm giảm sản lượng gạo, trong khi nhu cầu tiêu thụ lại có xu hướng tăng để bù đắp cho lượng dự trữ đang ở mức thấp, cũng như xu hướng hồi phục của nền kinh tế thế giới là những nhân tố tích cực ảnh hưởng đến giá gạo trong năm 2010. Agromonitor nhận định giá gạo năm 2010 sẽ có nhiều biến động nhưng xu hướng chung có thể tăng từ 15 - 25%, so với mức giá trung bình của năm 2009 (mức giá trung bình cuối năm 2009 đạt 584 USD/tấn).

Hình 12: Khối lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam 2000 - 2009



Hình 13: Khối lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam 11 tháng năm 2009



Nguồn: Agromonitor



Nhìn chung, nhu cầu tiêu thụ gạo của các quốc gia trên thế giới ngày càng tăng cùng với tốc độ tăng dân số như hiện nay, trong khi nguồn cung đang bị đe dọa tại một số quốc gia, dẫn đến lượng gạo nhập khẩu và giá gạo dự kiến sẽ tiếp tục tăng. Đây sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu gạo thời gian tới.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Công ty luôn chú trọng định hướng phát triển phù hợp với thị trường và thế giới. Không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, cũng như chú trọng phát triển và cải thiện bộ máy hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Kinh doanh

Tiếp tục xác định gạo là mặt hàng kinh doanh chủ lực, chủ yếu của Công ty, vì thế, trong giai đoạn 2011 – 2015, Công ty hướng đến tập trung đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại để giữ vững khách hàng, thị trường, qui mô hoạt động, phấn đấu sản lượng xuất khẩu gạo đạt từ 250.000 tấn năm 2011 đến năm 2015 đạt 420.000 tấn.

Công ty đang phấn đấu để chiếm thị phần 10% về xuất khẩu gạo trong cả nước (khoảng 450.000 – 500.000 tấn gạo xuất khẩu các loại). Chú trọng tăng cường kinh doanh gạo nội địa chất lượng cao cho nhu cầu tiêu dùng của người dân trong Tỉnh và khu vực thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2015 đạt số lượng 80.000 tấn/năm. Tăng tỷ trọng doanh thu gạo chất lượng cao trong cơ cấu doanh thu lương thực, phát triển sản xuất và kinh doanh gạo thơm, gạo nếp Việt Nam. Bên cạnh đó, VLF còn khai thác các sản phẩm có giá trị gia tăng chế biến từ lúa, gạo.

Để đạt số lượng gạo xuất khẩu và nội địa như trên, ngoài hệ thống các khu cung ứng và các xí nghiệp hiện có, Công ty sẽ xây dựng thêm kho, nâng trữ lượng kho lên 100.000-150.000 tấn. Ngoài ra, Công ty còn góp phần cùng với tỉnh quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất để đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu vào.

Bên cạnh mặt hàng gạo, Công ty còn đẩy mạnh kinh doanh xuất khẩu ngành hàng nông sản và tìm thêm thị trường tiêu thụ các mặt hàng khác như mì màu. Đầu tư thêm dây chuyền sản xuất để tăng sản lượng sản xuất bao bì.

Công ty có chính sách tuyển dụng và đào tạo đội ngũ lao động có năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty trong thời gian tới.

Đầu tư:

Nghiên cứu và tìm đối tác để tham gia đầu tư tài chính, liên kết với các đơn vị tiềm năng để hợp tác đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến thức ăn gia súc, nhà máy bột mì, nhà máy đông lạnh. Trên cơ sở phát huy những cải tiến như cam kết, các năm qua, Công ty đã đổi mới trang thiết bị, đầu tư mua sắm và cải tiến hệ thống chế biến gạo tại các Xí nghiệp trực thuộc có khả năng chế biến các loại gạo có phẩm chất cao như gạo thơm, jasmine, gạo 5% tấm...



Ngoài ra, Công ty còn chú trọng huy động vốn để đầu tư công nghệ, máy móc, thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành. Hoàn thiện việc ứng dụng tin học vào hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực quản lý và kiểm soát trong toàn công ty. Đầu tư cho bộ phận nghiên cứu và phát triển để kinh doanh sản phẩm mới, nâng dần tỷ trọng các ngành hàng dịch vụ ngoài mặt hàng gạo trong cơ cấu doanh thu của Công ty, đặc biệt các ngành hàng có hàm lượng công nghệ cao.

Tiếp thị:

Đẩy mạnh các chương trình tiếp thị quảng bá tạo dựng hình ảnh thương hiệu tốt trong lòng khách hàng. Mở rộng chiều sâu hệ thống phân phối tại thị trường quốc tế. Tiếp tục mở rộng xuất khẩu vào thị trường khó tính như: Đài Loan, Hồng Kông, Nhật, Pháp.... bằng cách liên kết với các nhà bán lẻ lớn, từng bước xây dựng thương hiệu gạo của Công ty. Mở rộng thêm thị trường gạo nội địa bằng cách phát triển thêm các cửa hàng bán lẻ, xác định đây là thị trường gốc để phát triển thương hiệu Công ty.

Chính sách chất lượng:

Từ năm 2001, Công ty đã xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 và được tổ chức UKAS (Vương quốc Anh) đánh giá chứng nhận. Từ đó đến nay, Công ty đã mở rộng phạm vi áp dụng đến 5 trong 6 Xí nghiệp Chế biến lương thực trong Công ty và sẽ tổ chức đánh giá xí nghiệp còn lại trong năm 2009. Việc áp dụng HTQLCL ISO 9001: 2000 giúp kiểm soát sản xuất chặt chẽ, các quá trình thực hiện mang tính khoa học, hợp lý và cung cấp cho thị trường sản phẩm có chất lượng ổn định đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết tạo điều kiện và duy trì môi trường hoạt động hướng tới chất lượng, điều hành hoạt động theo phương châm "*Lắng nghe và đáp ứng vượt sự mong đợi của khách hàng*".

Quy trình chế biến, kế hoạch kiểm soát sản xuất và kiểm soát chất lượng gạo được văn bản hóa thành các tài liệu hướng dẫn nhằm đảm bảo sự nhất quán trong quá trình sử dụng cũng như giúp kiểm soát các quy trình hợp lý và khoa học hơn. Các công đoạn trong quy trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, nhanh chóng phát hiện và xử lý kịp thời khi phát sinh sản phẩm không phù hợp nhằm cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng tốt nhất với giá cả cạnh tranh nhất.

Tài chính:

Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định trong xu thế vận động và phát triển. Phát hành cổ phiếu huy động vốn đáp ứng cho nhu cầu đầu tư phát triển. Tích cực tìm nguồn vốn với lãi suất thấp.



Nhân lực:

Với gần 20 năm phát triển và trưởng thành, Vinh Long Food luôn xem nguồn nhân lực là tài sản vô giá, là yếu tố then chốt đã mang lại thành công vượt bậc cho Công ty trong những năm gần đây. Vinh Long Food luôn chú trọng đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực của mình.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn sắp tới nhằm đáp ứng được nhu cầu hội nhập, cũng như đáp ứng được với tình hình nhu cầu thị trường, Công ty sẽ có những chính sách hỗ trợ nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc gửi nhân viên tham gia các khoá đào tạo nghiệp vụ bên ngoài cũng như mời các chuyên gia đầu ngành đến Công ty đào tạo các lớp ngắn và dài hạn. Vinh Long Food luôn cam kết và bảo đảm cung cấp các điều kiện cần thiết và khen thưởng xứng đáng để nhân viên phát huy tối đa năng lực của mình.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 30/06/2010 là 526 người.

Bảng 16: Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty

| Phân loại theo trình độ học vấn | Tổng số lao động | Tỷ lệ |
|---|-------------------------|----------------|
| Đại Học | 81 | 15,40% |
| Cao đẳng | 05 | 0,95% |
| Trung cấp | 39 | 7,41% |
| Công nhân kỹ thuật | 13 | 2,47% |
| Lao động phổ thông | 388 | 73,77% |
| Tổng | 526 | 100,00% |
| Phân loại theo thời hạn hợp đồng | Tổng số lao động | Tỷ lệ |
| Lao động không xác định thời hạn | 113 | 21,48% |
| Từ 1-3 năm | 105 | 19,96% |
| 1 năm | 8 | 1,52% |
| Thời vụ | 300 | 57,04% |
| Tổng | 526 | 100,00% |

Nguồn: VLF

9.2. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện thời gian làm việc 8h/ngày.

Đối với nhân viên văn phòng: từ 7 giờ đến 17 giờ, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, tổng cộng là 40 giờ/tuần, buổi trưa được nghỉ từ 11giờ đến 13 giờ.



Đối với nhân viên sản xuất: không tính theo giờ làm việc mà tính theo khối lượng công việc được giao và theo yêu cầu giao hàng của khách.

Nghỉ phép, lễ, tết:

Nhân viên được nghỉ lễ tết và nghỉ phép theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được bố trí nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, cứ 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Điều kiện làm việc:

Văn phòng, nhà xưởng sạch sẽ thoáng mát, điều kiện môi trường lao động đảm bảo sức khỏe của CBCNV. Công ty cấp đồng phục cho CBCNV, đầu tư các trang thiết bị đầy đủ và các thiết bị an toàn lao động để CBCNV có điều kiện phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

Chế độ lương:

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên căn cứ vào hiệu quả công việc và theo Quy chế quản lý và phân phối tiền lương của Công ty. Cụ thể, Công ty thực hiện việc trả lương theo 2 hình thức đó là: trả lương cơ bản và trả lương theo kết quả công việc. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm theo chế độ quy định hiện hành và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

Mức thu nhập bình quân trong năm 2009 của Công ty là 8.400.000 đồng/tháng.

Chế độ thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào hoạt động kinh doanh Công ty, Công ty quan tâm thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho CBCNV nhằm khuyến khích người lao động năng động phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến trong công việc, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh.

Bảo hiểm và phúc lợi:

Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định cho tất cả CBCNV. Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát ít nhất 1 lần. Công ty rất chú ý nâng cao đời sống tinh thần của CBCNV.

Tổ chức công đoàn:

Hiện nay Công đoàn Công ty là Tổ chức Công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn Tổng Công ty Lương thực thực phẩm Miền Nam gồm 160 đoàn viên chia ra sinh hoạt tại 13 tổ Công đoàn trực thuộc.

Kinh phí hoạt động công đoàn trích theo chế độ quy định. Công đoàn công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên tổ chức cho CBCNV đi tham quan nhân các ngày lễ lớn trong năm. Khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt.



Các chế độ phụ cấp:

Công ty có các chế độ phụ cấp cho nhân viên, đặc biệt là các công nhân ở các xí nghiệp sản xuất như: phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm.... Công ty đã xây dựng nhà tập thể cho nhân viên ở xa để nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, nhằm động viên họ làm việc tốt hơn.

Chính sách tạo nguồn nhân lực:

Công ty luôn chú ý xây dựng nguồn nhân lực sao cho phù hợp với quy mô và định hướng sự phát triển của công ty, cụ thể như sau:

- Tuyển dụng: tuyển dụng nhân viên, cán bộ quản lý và lao động được thực hiện theo quy chế quản lý, sử dụng và tuyển dụng lao động của Công ty. Công ty thực hiện tuyển dụng đúng người cho đúng vị trí, tránh dư thừa nguồn nhân lực, cũng như đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế của công ty. Công ty tập trung vào hai nguồn chính là đội ngũ lao động có tay nghề và kinh nghiệm để đưa vào làm các cán bộ chủ chốt, và tuyển dụng các sinh viên mới ra trường cho các vị trí mới, cần sự sáng tạo.
- Đào tạo nguồn nhân lực: huấn luyện chuyên môn tay nghề, cử đi học các lớp đào tạo nghiệp vụ. Tập trung đào tạo các chuyên ngành như : Marketing, xây dựng thương hiệu, tin học, anh văn, kiểm toán nội bộ, quản trị tài chính...

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ tổ chức, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội Đồng Quản Trị đề xuất, và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- HĐQT luôn cân nhắc xem xét các kế hoạch kinh doanh trong năm tới để tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, đảm bảo công ty phát triển nhanh và bền vững.

Sau ba năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Vinh Long Food đều duy trì mức lợi nhuận cao và mức chi cổ tức ổn định cho cổ đông. Cổ tức năm 2007 là 4,5%. Năm 2008 đã chi 45% cổ tức bằng tiền mặt, 80% cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng 20% cổ phiếu cho cổ đông. Vào năm 2009, công ty cũng đã chi cổ tức là 20% trên vốn điều lệ. Chính sách trả cổ tức trên phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.



11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Trích khấu hao tài sản cố định: Công ty áp dụng tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà và vật kiến trúc : 10-25 năm
- Máy móc thiết bị: 07-13 năm
- Phương tiện vận tải 10 năm
- Thiết bị văn phòng: 02-08 năm
- Tài sản cố định vô hình: 08 – 50 năm

Thu nhập bình quân người lao động: Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty nhìn chung tăng dần qua các năm.

Bảng 17: Mức thu nhập bình quân người lao động qua các năm

ĐVT: đồng

| Năm | 2007 | 2008 | 2009 |
|---------------------------------|-----------|-----------|-----------|
| Thu nhập bình quân/ người/tháng | 2.700.000 | 3.400.000 | 8.400.000 |

Nguồn: VLF

Thanh toán các khoản nợ đến hạn: Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2008 và năm 2009 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty nghiêm túc thực hiện, nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu và các loại thuế khác theo quy định của Nhà nước.



Trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập, sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Trong năm 2008 Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển 29,28%, quỹ khen thưởng cho CBCNV 5% trên lợi nhuận sau thuế.

Vay ngắn hạn

Bảng 18: Tình hình nợ vay ngắn hạn của Công ty

ĐVT: triệu đồng

| Vay và nợ ngắn hạn | 2008 | 2009 | 6 tháng đầu năm 2010 |
|-----------------------------|---------------|----------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn | 77.870 | 205.751 | 371.431 |
| Nợ dài hạn đến hạn phải trả | 3.680 | 3.680 | 1.840 |
| Tổng | 81.550 | 209.431 | 373.271 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QII/2010

Công ty lên kế hoạch thanh toán các khoản nợ đúng hạn, nên không có nợ quá hạn.

Số dư cuối kỳ tài khoản Vay và nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2009 và 30/6/2010 cao hơn nhiều so với số cuối năm 2008 là do các khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động để mua hàng dự trữ cho hợp đồng đầu năm và giữa, cuối năm 2010. Giá trị lượng hàng tồn kho tương ứng của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và 30/6/2010 là 224.759 triệu và 114.279 triệu đồng.

Bảng 19: Cơ cấu nợ vay ngắn hạn tại các ngân hàng

ĐVT: triệu đồng

| Bên cho vay | Lãi suất | Số dư nợ gốc cuối kỳ (quy đổi VND) | Đồng tiền vay |
|----------------------------|----------|------------------------------------|---------------|
| Lienvietbank CN Cần Thơ | 6%/năm | 17.077,50 | VND |
| ACB CN Vĩnh Long | 5%/năm | 76.200,00 | VND |
| Sacombank Vĩnh Long | 5%/năm | 57.150,00 | VND |
| Sacombank Vĩnh Long | 12%/năm | 0,04 | VND |
| ANZ TP.HCM | 4%/năm | 84.942,50 | VND |
| HSBC TP.HCM | 4%/năm | 123.080,56 | USD |
| NH Phương Tây CN Vĩnh Long | 5%/năm | 12.980,80 | VND |
| Tổng cộng | | 371.431,40 | VND |

Nguồn: BCTC QII/2010



Bảng 20: Tình hình nợ vay dài hạn của Công ty (gồm toàn bộ là khoản vay bằng VND)

ĐVT: triệu đồng

| Vay dài hạn | 2008 | 2009 | 6 tháng đầu năm 2010 |
|-------------|-------|-------|----------------------|
| Vay dài hạn | 6.010 | 2.330 | 2.330 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QII/2010

Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 21: Các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | 6 tháng đầu năm 2010 |
|---------------------------|---------------|---------------|----------------------|
| Phải thu từ khách hàng | 41.438 | 45.537 | 63.312 |
| Trả trước cho người bán | 27.537 | 4.293 | 11.991 |
| Phải thu khác | 561 | 620 | 225 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (42) | (59) | (59) |
| Tổng cộng | 69.494 | 50.391 | 75.469 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QII/2010

Bảng 22: Các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | 6 tháng đầu năm 2010 |
|--------------------------|---------------|----------------|----------------------|
| Nợ ngắn hạn | 98.940 | 275.323 | 464.903 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 81.550 | 209.431 | 373.271 |
| Phải trả cho người bán | 2.206 | 942 | 4.645 |
| Người mua trả tiền trước | 128 | 39.972 | 49.238 |
| Các khoản thuế phải nộp | 798 | 11.733 | 18.245 |
| Phải trả CNV | 10.479 | 6.329 | 4.984 |
| Chi phí phải trả | 406 | 1.013 | 4.038 |
| Phải trả, phải nộp khác | 3.373 | 5.903 | 9.515 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | (*) | (*) | 967 |



| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | 6 tháng đầu năm 2010 |
|-------------------------------|----------------|----------------|----------------------|
| Nợ dài hạn | 6.113 | 2.460 | 2.448 |
| Vay và nợ dài hạn | 6.010 | 2.330 | 2.330 |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 103 | 130 | 118 |
| Tổng cộng | 105.053 | 277.783 | 467.351 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QII/2010

(*) Năm 2009 và 2009, Quỹ khen thưởng phúc lợi không thuộc mục Nợ phải trả của doanh nghiệp. Năm 2010, Quỹ khen thưởng phúc lợi ghi nhận theo Thông tư 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 hướng dẫn thi hành một số điều của quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/12/2009 của Chính phủ.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | 6 tháng đầu năm 2010 |
|---|--------|--------|----------------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,51 | 1,17 | 1,12 |
| - Hệ số thanh toán nhanh | 1,09 | 0,36 | 0,88 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản: (lần) | 0,40 | 0,64 | 0,74 |
| - Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu: (lần) | 0,67 | 1,75 | 2,79 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho | 52,22 | 12,17 | 4,22 |
| - Doanh thu thuần / Tổng tài sản | 6,23 | 4,87 | 1,47 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 6,58% | 1,86% | 4,32% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 95,83% | 20,14% | 20,82% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 40,79% | 9,09% | 6,34% |
| - Hệ số Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần | 6,71% | 2,35% | 5,67% |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009, BCTC QII/2010 VLF



12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Chủ tịch HĐQT – Bà PHAN THỊ ÁNH

Giới tính: Nữ
 Số CMND: 330057031 Ngày cấp: 15/8/2008 Nơi cấp: Vĩnh Long
 Ngày tháng năm sinh: 15/12/1956
 Nơi sinh: Vĩnh Long
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Vĩnh Long
 Địa chỉ thường trú: 133A đường 2/9, phường 1, Thị xã Vĩnh Long, Vĩnh Long
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 84.70.3823619
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Quản trị Kinh doanh.
 Quá trình công tác:
 Từ 1978 đến 1980: Nhân viên Công ty Lương thực Thị xã Vĩnh Long
 Từ 1980 đến 1986: Trưởng phòng Tổ chức Công ty Lương thực Thị xã Vĩnh Long
 Từ 1986 đến 1993: Giám đốc Công ty Lương thực Thị xã Vĩnh Long
 Từ 1993 đến 2006: Giám đốc Công ty Lương thực - thực phẩm Vĩnh Long
 Từ 12/2006 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.
 Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long
 Vĩnh Long
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
 Số cổ phiếu nắm giữ: 2.080.000 cổ phiếu
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
 + Đại diện sở hữu: 2.080.000 cổ phiếu
 Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị.....):
 Nguyễn Đăng Trình (Con): 5.400 cổ phần
 Các khoản nợ đối với công ty: Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có



b) Thành viên HĐQT – Ông ĐẶNG KỲ TRUNG

Giới tính: Nam
 Số CMND: 024884638 Ngày cấp: 07/4/2008 Nơi cấp: TP.HCM
 Ngày tháng năm sinh: 21/05/1958
 Nơi sinh : Xã Thành Triệu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán: Thừa thiên Huế
 Địa chỉ thường trú: 181 Thái Phiên Phường 9 Quận 11 TP. HCM
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 84.8.38248212
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
 Quá trình công tác:
 Từ 1992-1996: Chuyên viên, Ban Đối ngoại & Hợp tác Đầu tư tỉnh Tiền Giang;
 Từ 1996-1997: Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư, Sở Kế hoạch tỉnh Tiền Giang;
 Từ 1997-2002: Kế toán trưởng, Công ty chế biến gạo Việt Nguyên, tỉnh Tiền Giang;
 Từ 2002-2003: Phó Giám đốc Công ty Lương thực Tiền Giang;
 Từ 2003-2006: Phó phòng Tài chính kết toán Tổng Công ty Lương thực Miền Nam;
 Từ 2006 đến nay: Trưởng phòng Tài chính kết toán kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty Lương thực Miền Nam;
 Từ 3/2009 đến nay: thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long
 Chức vụ hiện nay: thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 Từ 3/2009 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty CP Bảo Minh
 Từ 7/2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư – Phát triển Cửu Long.
 Số cổ phần nắm giữ: 2.080.000 cổ phần
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 + Đại diện sở hữu: 2.080.000 cổ phần
 Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị.....): Không có
 Các khoản nợ đối với công ty: Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có



c) Thành viên HĐQT - Ông ANTHONY NGUYỄN

Giới tính: Nam

Số CMND/HC: 037547412 Ngày cấp: 02/8/2000 Nơi cấp: Hoa Kỳ

Ngày tháng năm sinh: 25/03/1968

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Dân tộc: Kinh

Quê quán: TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 168/38A Đường D2, Cư xá Văn Thánh Bắc, Phường 25, Quận Bình Thạnh. TP.HCM.

ĐT liên lạc ở cơ quan: 0903759525

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Thạc sỹ hóa công nghệ.

Quá trình công tác:

- Từ 1996 đến 2000: Seagate Corporation., Milpitas, USA
- Từ 2002 đến 2004: Balboa Intument, Instini, USA
- Từ 2005 đến 2006: Công ty CP Thương mại Nguyễn Kim
- Từ 2007 đến nay: Công ty Cổ phần đầu tư – phát triển Nguyễn Kim
- Từ 4/2010 đến nay: thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay: thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Từ 2007 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư – phát triển Nguyễn Kim
- Từ 4/2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Dược phẩm 3 tháng 2
- Từ 7/2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Docimexco
- Từ 11/2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Angimex
- Từ 3/2008 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Artex Sài Gòn

Số cổ phiếu nắm giữ: 2.428.578 cổ phiếu

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
- + Đại diện sở hữu: 2.428.578 cổ phiếu

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị.....): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có

**d) Thành viên HĐQT - Ông LƯU NGUYỄN ANH TUẤN**

Giới tính: Nam
 Số CMND : 024043953 Ngày cấp: 26/11/2002 Nơi cấp: TP.HCM
 Ngày tháng năm sinh: 02/06/1972
 Nơi sinh: Lâm Đồng
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Lâm Đồng
 Địa chỉ thường trú: TK6/24 Bến Chương Dương, Quận 1, TP.HCM.
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 0903 654 508
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế – Chuyên ngành Tài chính tín dụng.

Quá trình công tác:

Từ 2/2000 đến 4/2002: Công ty TNHH Viên Thành – Giám đốc điều hành
 Từ 9/2002 đến 5/2005: Đại học Quốc tế RMIT – Kế toán trưởng
 Từ 6/2005 đến 5/2006: Công ty CP ĐTTC Sài Gòn Á Châu – Chuyên viên Đầu Tư
 Từ 6/2006 đến nay: Công ty CP ĐTPT Nguyễn Kim - Giám đốc dự án
 Từ 12/2006 đến 3/2010: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long
 Từ 3/2010 đến nay: Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Từ 6/2006 đến nay: Giám đốc dự án - Công ty Cổ phần đầu tư – phát triển Nguyễn Kim
 Từ 11/2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Angimex.
 Từ 4/2009 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Ladophar
 Từ 7/2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Docimexco
 Từ 3/2010 đến nay: Trưởng ban kiểm soát - Công ty CP Hoàn Mỹ

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị...): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có



e) Thành viên HĐQT - Ông NGUYỄN THANH HOÀNG

Giới tính: Nam

Số CMND: 331204052 Ngày cấp: 05/9/2005 Nơi cấp: Vĩnh Long

Ngày tháng năm sinh: 21/10/1966

Nơi sinh: Vĩnh Long

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Vĩnh Long

Địa chỉ thường trú: 79/27 Phạm Thái Bường, Phường 4, Thị xã Vĩnh Long

ĐT liên lạc ở cơ quan: 84.70.3827789

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 1986 đến 1993 : Nhân viên Công ty Lương thực Thị xã Vĩnh Long

Từ 1994 đến 1997 : Phó Văn phòng đại diện tại TP.HCM (Công ty Lương thực - thực phẩm Vĩnh Long)

Từ 1997 đến 2006 : Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.

Từ 12/2006 đến 2/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Từ 2/2009 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Từ 12/2006 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Số cổ phiếu nắm giữ: 3.800 cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 3.800 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị.....):
- Lê Thị Kim Long (Vợ): 14.800 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

a) **Tổng Giám Đốc - Ông NGUYỄN THANH HOÀNG**

(xem lý lịch chi tiết phần Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT)

b) **Phó TGD - Ông NGUYỄN VĂN HÒ**

Giới tính : Nam
 Số CMND : 331238202 Ngày cấp: 12/3/2010 Nơi cấp: Vĩnh Long
 Ngày tháng năm sinh: 21/3/1966
 Nơi sinh : Trà Vinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Trà Vinh
 Địa chỉ thường trú: 39/1b, Mậu Thân, khóm 2, phường 3, TP. Vĩnh Long
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 0703.822516 - 01222863979
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 01/1985 đến 7/1987: Nhân viên Công ty LHXNK Cửu Long
- Từ 7/1987 đến 5/1992: Nhân viên Công ty XNK và dịch vụ kiều hối Cửu Long
- Từ 5/1992 đến 5/1999: Nhân viên Công ty Lương thực - Thực phẩm Vĩnh Long
- Từ 5/1999 đến 5/2004: Phó Giám đốc XNCBLT số 6 – Công ty Lương thực - Thực phẩm Vĩnh Long
- Từ 3/2006 đến 12/2006: Giám đốc Xí nghiệp Chế biến lương thực số 3, Công ty Lương thực thực phẩm Vĩnh Long
- Từ 01/2007 đến 3/2010: Giám đốc Xí nghiệp Chế biến lương thực số 8, Công ty CP Lương thực - Thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 6.600 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị...): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có



c) Phó TGD - TRẦN THANH HÙNG

Giới tính : Nam
Số CMND : 330554094 Ngày cấp: 20/02/2002 Nơi cấp: CA Vĩnh Long
Ngày tháng năm sinh: 20/12/1965
Nơi sinh : Tân An, Vĩnh Long
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Ấp 1, xã Hòa Thạnh, huyện Tam Bình, Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú: 168B đường Phạm Hùng, P.9, TP.Vĩnh Long
ĐT liên lạc ở cơ quan: 84.70.3827789
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Kế toán tổng hợp
Quá trình công tác:
Từ 1984 đến 1989: Nhân viên Thanh tra Sở Lương Thực
Từ 1990 đến 1992: Cửa hàng trưởng Cửa hàng Lộc Hòa
Từ 1993 đến 1995: Cửa hàng phó Cửa hàng Tam Bình
Từ 1995 đến 2005: Phó Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Lương thực thực phẩm Vĩnh Long
Từ 2006 đến 2007: Phó Giám đốc & Giám đốc Xí nghiệp Chế biến lương thực số 7
Từ 2008 đến 4/2009: Trưởng Phòng Kế hoạch chiến lược Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long
Từ 05/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị...): Không có
Các khoản nợ đối với công ty: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có



BAN KIỂM SOÁT

a) Trưởng Ban Kiểm soát - Ông TRANG HỮU NGHĨA

Giới tính: Nam
 Số CMND: 024052609 Ngày cấp: 15/11/2002 Nơi cấp: Công an TP. HCM
 Ngày tháng năm sinh: 22/12/1971
 Nơi sinh: Bạc Liêu
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Bạc Liêu
 Địa chỉ thường trú: 205 Bùi Văn Ba – P. Tân Thuận Đông, quận 7
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 08.54331566 – 0903.838356
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật - chuyên ngành Luật Kinh doanh
 Quá trình công tác:

Từ 04/1989 – 01/2006: Nhân viên Công ty Lương thực Bình Tây
 Từ 02/2006 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Giám định Lạc Việt
 Từ 6/2006 – 03/2010: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Hoàn Mỹ
 Từ 7/2007 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Docimexco
 Từ 3/2007 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Angimex

Chức vụ hiện nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Lương thực - Thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Từ 02/2006 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Giám định Lạc Việt
 Từ 6/2006 – 03/2010: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Hoàn Mỹ
 Từ 7/2007 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Docimexco
 Từ 3/2010: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Angimex

Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu: 1.000 cổ phiếu
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị...): không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có



b) Thành viên Ban Kiểm soát – Bà NGUYỄN THỊ THÚY LIÊM

Giới tính: Nữ
 Số CMND: 331221394 Ngày 10/9/2007 Nơi cấp: CA Vĩnh Long
 Ngày tháng năm sinh: 17/11/1976
 Nơi sinh: Vĩnh Long
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Vĩnh Long
 Địa chỉ thường trú: 61/2 Trần Phú, Phường 4, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 84.70.3823638
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế – Chuyên ngành Tài chính Tín dụng

Quá trình công tác:

Từ 1998 đến 2006: Kế toán Công ty Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long

Từ 12/2006 đến 8/2009: Phó phòng Tài chính kế toán kiêm thành viên BKS Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Từ 0/2009 đến nay: Phó phòng Kế hoạch chiến lược kiêm thành viên BKS Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay: Phó phòng Kế hoạch chiến lược kiêm thành viên BKS Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 6.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 6.000 cổ phần
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị...):

Nguyễn Văn Út (Chồng): 6.000 cổ phần.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có



c) Thành viên Ban Kiểm soát – Ông LÊ MINH VIỆT

Giới tính: Nam
 Số CMND: 340842398 Ngày cấp: 26/07/2004 Nơi cấp: Đồng Tháp
 Ngày tháng năm sinh: 27/01/1976
 Nơi sinh: Đồng Tháp
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Đồng Tháp
 Địa chỉ thường trú: 143I/9 Quốc lộ 1, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 84.70.3826231
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành tài chính doanh nghiệp.

Quá trình công tác:

Từ 1999 đến 2006: Nhân viên Công ty Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long.

Từ 2007 đến 5/2009: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.

Từ 6/2009 đến nay: Phó phòng Kế hoạch Chiến lược Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.

Từ 2008 đến nay: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.

Chức vụ hiện nay: Phó phòng Kế hoạch Chiến lược kiêm Thành viên Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị...): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên: **PHAN NGỌC BÌNH**

Giới tính: Nam

Số CMND: 331638472 Ngày cấp: 21/11/2006 Nơi cấp: Vĩnh Long

Ngày tháng năm sinh: 28/08/1975

Nơi sinh: Hậu Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hậu Giang

Địa chỉ thường trú: 15 Phó Cơ Điều, phường 8, Tp.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

ĐT liên lạc ở cơ quan: 84.70.3823 638

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế - chuyên ngành Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

Từ 1997 đến 2004 : Kế toán Công ty Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.

Từ 2004 đến 2004 : Phó Giám đốc Xí nghiệp số 5 – Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.

Từ 2004 đến 2006 : Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.

Từ 2007 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 3.102 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 3.102 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (vợ, con, anh, chị...):

- Liêu Cẩm Yến (Vợ): 400 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có



13. Tài sản

Bảng 24: Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/6/2010

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | GTCL/NG |
|-----|--------------------------|----------------|-----------------|--------------|
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 115.849 | 68.845 | 59,4% |
| 2 | Tài sản cố định vô hình | 17.295 | 17.186 | 99,4% |
| | Tổng cộng | 133.144 | 86.031 | 64,6% |

Nguồn: BCTC QII/2010 VLF

Bảng 25: Một số mặt bằng đất Công ty hiện đang sử dụng và quản lý

(các mặt bằng này toàn bộ là tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

ĐVT: m2

| Tên tài sản | Diện tích | Năm sử dụng |
|--------------------------------------|-----------|-------------|
| Văn phòng Công ty | | |
| Văn phòng làm việc số 38 đường 2/9 | 1.800,00 | 2000 |
| Kho ngang văn phòng Công ty | 400,00 | 1992 |
| Nhà số 31 Hưng Đạo Vương (VPCÔNG TY) | 126,40 | 2001 |
| Kho cải tạo -F4 | 1.416,50 | 1992 |
| Kho chứa cám -F4 | 44,70 | 1997 |
| Kho bán mái -F4 | 142,83 | 1999 |
| Kho 400T Hiếu phụng V.liêm | 272,00 | 1992 |
| Kho 300T Hiếu phụng V.liêm | 224,60 | 1992 |
| VP làm việc Vũng Liêm | 120,40 | 1992 |
| XD kho lương thực Khánh Nguyên | 1.256,00 | 2002 |
| Kho 1200T - Cái Cam | 1.149,10 | 1992 |
| Kho Vật Tư - Cái Cam | 481,30 | 2002 |
| Kho chứa cám - Cái Cam | 40,00 | 1997 |
| Chi nhánh TP.HCM | | |
| Nhà số 31 Nguyễn Kim TP | 272,20 | 1992 |
| Xí nghiệp 1 | | |
| Kho 3000T XN 1 | 1.516,80 | 1992 |



| Tên tài sản | Diện tích | Năm sử dụng |
|---------------------------------------|-----------|-------------|
| Kho PX2 (kho 10.000T) | 4.617,20 | 2003 |
| Kho 800 Tấn | 2.397,8 | 2007 |
| Xí nghiệp 3 | | |
| Văn phòng làm việc XN 3 | 88,00 | 1992 |
| Kho số 1 600T | 360,00 | 1992 |
| Kho số 2 800T | 620,30 | 1992 |
| Kho số 3 | 614,20 | 1992 |
| Kho số 4 1.200T | 612,00 | 1992 |
| Kho số 5 - XN3 | 645,40 | 1998 |
| Kho cám - kho số 3 XN3 | 165,60 | 1998 |
| Xí nghiệp số 4 -Phú Lộc | | |
| Kho vật tư Phú Lộc Tam Bình | 424,80 | 1988 |
| Kho lương thực và nhà bao che Phú Lộc | 1.192,90 | 1998 |
| XD kho lương thực Phú Lộc | 938,10 | 2002 |
| XD nhà làm việc phú Lộc | 104,00 | 2002 |
| Kho bán mái | 273,60 | 2007 |
| Xí nghiệp 5 | | |
| Kho 1 3000T Tam Bình | 2.442,40 | 1992 |
| Kho 2 dự trữ Tam Bình | 2.442,40 | 1992 |
| XD kho Lương thực XN5 | 989,00 | 1998 |
| Kho cám XN 5 | 69,80 | 1996 |
| Kho chứa cám XN5 | 69,80 | 1998 |
| Xí nghiệp bao bì | | |
| Kho 1200T - Lộc Hòa | 760,00 | 1992 |
| Kho mở rộng - Lộc Hòa | 569,40 | 1996 |
| Kho bán mái - Lộc Hòa | 263,30 | 1999 |
| Kho mở rộng | 1.169,38 | 2/2008 |
| Xí nghiệp 7 | | |
| Kho LT Ô Môn -XN7 (kho 1) | 1.711,00 | 2002 |
| Kho Cám Ô Môn -XN7 (kho 1) | 72,00 | 2002 |



| Tên tài sản | Diện tích | Năm sử dụng |
|--|------------------|-------------|
| Kho bán mái Ô Môn -XN7 (kho 1) | 474,00 | 2002 |
| Kho 10.000 tấn XN7 (kho 2) | 3.880,00 | 2003 |
| Nhà kho | 1.260,0 | 4/2008 |
| Xí nghiệp 8 | | |
| Nhà xưởng và kho Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang | 5.930,00 | 12/2006 |
| Kho | 623,9 | 09/2007 |
| Kho | 2.153,6 | 09/2007 |
| Xí nghiệp 9 | | |
| Kho DT | 2.632,00 | 5/2008 |
| Kho bán mái | 1.625,00 | 3/2009 |
| TỔNG CỘNG | 45.018,41 | |

Nguồn: VLF

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012

Bảng 26: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2012

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2010 | 2011 | 2012 |
|-----------------------------|---------|-----------|-----------|-----------|
| Doanh thu thuần | tỷ đồng | 2.370.000 | 2.600.000 | 2.860.000 |
| Lợi nhuận trước thuế | tỷ đồng | 60.000 | 66.000 | 72.000 |
| Lợi nhuận sau thuế | tỷ đồng | 45.000 | 49.500 | 54.000 |
| LN sau thuế/Doanh thu thuần | % | 1,9% | 1,9% | 1,9% |
| LN sau thuế /Vốn điều lệ | % | 43,3% | 47,6% | 51,9% |
| Cổ tức/mệnh giá | % | 20,0% | 23,1% | 26,5% |

Nguồn: VLF

Ngoài dự báo về mặt hàng gạo, hiện nay nhu cầu nguyên liệu dùng cho chế biến thức ăn gia súc phục vụ cho chăn nuôi trong nước cũng gia tăng việc nuôi trồng thủy sản vẫn có hiệu quả cao nên cũng thuận lợi cho Công ty trong việc khai thác để mở rộng tiếp ngành hàng kinh doanh nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc gia cầm và cá.

Những chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trên được xây dựng căn cứ vào định hướng chiến lược đã được Công ty vạch ra. Điều kiện thị trường đang tạo cơ hội thuận lợi cho Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh của mình. Các kế hoạch phát triển như: xây dựng thêm nhà máy mới. phát triển hệ thống phân phối.v.v... khi thực hiện hoàn tất sẽ đưa Công ty đi vào giai đoạn tăng trưởng mới.



Để đáp ứng nhu cầu về vốn cho chiến lược kinh doanh và tăng cường sức cạnh tranh đến năm 2015. Công ty đề ra các biện pháp sau:

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong những năm cần nguồn lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư;
- Phát hành trái phiếu trong trường hợp cần thêm vốn đáp ứng nhu cầu phát triển.

Mục tiêu tăng trưởng vốn của Công ty luôn gắn liền và hài hoà giữa nhu cầu tăng vốn và việc sử dụng vốn.

Các kế hoạch đầu tư, dự án được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua:

Trong năm 2009, Công ty lên kế hoạch đầu tư xây dựng Nhà máy xay lúa và chế biến gạo trắng, gạo đỏ tại Giồng Găng, huyện Tân Hồng, Đồng Tháp. Vốn đầu tư dự kiến khoảng 50 tỷ đồng, chia làm 02 giai đoạn. Đây là dự án đầu tư lớn nhất của Công ty từ trước đến nay. Mục đích dự án là thu mua lúa của nông dân tại địa phương rồi xay ra gạo, sau đó lau bóng, và chế biến xuất khẩu. Các phụ phẩm trong quá trình sản xuất như trấu sẽ được tái sử dụng cung cấp nhiệt lượng cho hệ thống chế biến gạo đỏ. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành vào năm 2011.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức niêm yết

Không có.

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.



V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán** : **Cổ phiếu phổ thông**
2. **Mệnh giá** : **10.000 đồng/cổ phiếu**
3. **Tổng số cổ phiếu niêm yết** : **10.400.000 cổ phiếu**
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định** : **2.449.080 cổ phiếu**

Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

- Số lượng cổ phiếu của Hội đồng quản trị độc lập không điều hành 2.428.578 cổ phiếu (không bao gồm sở hữu nhà nước)
- Số lượng cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị không độc lập 3.800 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu của Ban Giám Đốc (không bao gồm thành viên Hội đồng quản trị không độc lập) 6.600 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu của Ban Kiểm Soát 7.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu của Kế toán trưởng 3.102 cổ phiếu

Các cổ đông này cam kết nắm giữ 100% số cổ phần do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

5. **Giá niêm yết dự kiến** : **25.000 đồng/cổ phiếu**

6. **Phương pháp tính giá**

6.1. **Phương pháp P/E**

Bước 1: Xác định chỉ số P/E bình quân của nhóm các công ty cùng ngành, từ đó xác định chỉ số P/E của Công ty

Dựa vào thông tin của các doanh nghiệp khác trong cùng ngành, có cùng mô hình và quy mô hoạt động đã niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, xác định được chỉ số P/E trung bình ngành như sau:

Bảng 27: Chỉ số P/E trung bình ngành

| Mã CK | Tên Công ty | Vốn Điều lệ (đồng) | P/E |
|-------|--------------------------------------|--------------------|------|
| LAF | CTCP Chế biến hàng xuất khẩu Long An | 81.183.840.000 | 5,28 |
| SAF | CTCP Lương thực thực phẩm SAFOCO | 27.060.000.000 | 6.62 |



| Mã CK | Tên Công ty | Vốn Điều lệ (đồng) | P/E |
|-----------------------------|-------------------------------------|--------------------|-------------|
| CAP | CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái | 11.000.000.000 | 5.28 |
| P/E trung bình ngành | | | 5,73 |

Nguồn: Bản tin thị trường chứng khoán ngày 21/7/2010

Do công ty trong ngành lương thực thực phẩm niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội khá khiêm tốn, nên việc so sánh P/E chưa phản ánh đúng giá trị trung bình ngành. Theo tính toán, chỉ số **P/E bình quân của nhóm công ty cùng ngành với Vinh Long Food là: 5,73.**

Bước 2: Xác định thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Vinh Long Food tại thời điểm 31/12/2009.

Trong năm 2009, lợi nhuận sau thuế của Công ty là 31,68 tỷ đồng. Theo kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2010 là 45 tỷ đồng.

Số lượng cổ phần lưu hành của Công ty hiện nay là 10.400.000 cổ phần thì EPS theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty là 4.327 đồng/cổ phần.

Bước 3: Xác định giá cổ phiếu niêm yết dự kiến

Giá cổ phiếu niêm yết dự kiến (P) = P/E x EPS

= 4.327 x 5,73 = **24.793 đồng**

Như vậy, giá một cổ phần của Công ty được tính theo phương pháp chỉ số giá trên thu nhập một cổ phiếu (P/E) được làm tròn là 24.000 đồng/ cổ phiếu.

6.2. Phương pháp “chiết khấu dòng cổ tức” (DDM)

Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức là phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai với giả định giá cổ phiếu bằng giá trị hiện tại của dòng cổ tức trong tương lai của doanh nghiệp.

Giá cổ phiếu của Công ty được tính toán dựa trên cơ sở các kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2010 - 2012 của đơn vị và mức độ rủi ro cũng như triển vọng phát triển trong hoạt động của doanh nghiệp.

Giá trị hiện tại một cổ phiếu của doanh nghiệp sẽ được xác định theo công thức:

$$P_0 = \sum D_i / (1+k)^i + P_n / (1+k)^n \quad (*)$$

Trong đó:

- P_0 là giá trị hiện tại một cổ phần của doanh nghiệp
- D_i là giá trị cổ tức của năm i (i có giá trị từ 1 cho đến 3) tính cho giai đoạn 2010 – 2012
- k là tỷ lệ chiết khấu tính theo công thức: $k =$ Lãi suất Trái phiếu Chính phủ 5 năm (11%) +



phụ phí rủi ro (3%).

- P_n là giá trị các dòng cổ tức tương lai từ năm 2013 trở đi được tính về thời điểm 2012: $P_n = D_{n+1}/(k-g)$ (**)
- g là tỷ lệ tăng trưởng ổn định từ năm 2013 trở đi của Công ty dự kiến: 6,5%
- $n = 3$ (3 năm từ 2010-2012)
- D_{n+1} là giá trị cổ tức năm 2013 = giá trị cổ tức 2012 x (1+g)

Các giả định:

- Theo kế hoạch kinh doanh của Công ty, cổ tức dự kiến sẽ trả trong năm 2010 là 20,0%, năm 2011 là 23,1% và năm 2012 là 26,5% trên mệnh giá.
- Tỷ lệ chiết khấu được tính theo công thức sau:
 $k = \text{Lãi suất Trái phiếu Chính phủ 5 năm} + \text{Phần bù rủi ro} = 11\% + 3\% = 14\%$.
- Dự kiến tăng trưởng (g) của Công ty từ năm 2013 trở đi xấp xỉ 6%.

Áp dụng công thức (*) và (**) tính được $P_0 = 29.020$ đồng/cổ phiếu

Như vậy, giá một cổ phần của Công ty được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền cổ tức (DDM) được làm tròn là 29.000 đồng/cổ phần.

Xác định giá cổ phiếu dự kiến niêm yết:

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định là mức giá bình quân của hai phương pháp định giá như trên là phương pháp P/E và phương pháp DDM:

| Mô hình định giá | Giá | Tỷ trọng | Bình quân |
|--|--------|-------------|---------------|
| Chiết khấu dòng cổ tức (DDM) | 29.000 | 50% | 14.500 |
| Hệ số giá thị trường trên thu nhập trên mỗi cổ phiếu | 24.000 | 50% | 12.000 |
| Giá bình quân | | 100% | 26.500 |

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty dựa theo tình hình thị trường thực tế và tình hình sự phát triển để xác định đưa giá niêm yết dự kiến của Công ty là **25.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Điều lệ Công ty không Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Sau khi được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01/06/2009) về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường Chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu



niêm yết của tổ chức niêm yết.

8. Các loại thuế có liên quan

Đối với nhà đầu tư

Theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2009 thì các cá nhân hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân, với mức thuế suất được áp dụng là 20% trên thu nhập chịu thuế hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán.

Cách 1: áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí ủy thác chứng khoán và các chi phí khác.

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nộp thuế đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 của năm trước.

Cách 2: áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán.

Các trường hợp khác ngoài trường hợp trên, thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được tính bằng 0,1% giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Cũng theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP lợi tức cổ phần của các cá nhân cũng chịu thuế thu nhập cá nhân.

Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết.

Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

Ngoài ra, còn có Thông tư số 84/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản khác hướng dẫn cụ thể về các chính sách thuế liên quan đến lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Các nhà đầu tư sẽ áp dụng các quy định gần nhất để tính và nộp thuế khi thực hiện hoạt động đầu tư.



Tuy nhiên, theo điều 4 Nghị quyết số 32/2009/ND-QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của quốc hội thì sẽ miễn toàn bộ số thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn cho năm 2009.

Theo Nghị Định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về việc chuyển Công ty Nhà Nước thành Công ty Cổ phần thì Công ty được miễn thuế 2 năm 2007, 2008 và giảm 50% cho 2 năm 2009 và 2010.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

- Trụ sở chính: 38, Đường 2/9, Phường 1, TX. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: (84.70) 3822 512 – 3822 516 – 3822 712
- Fax: (84.70) 3823 773
- Email: vinhlongfood@hcm.vnn.vn
- Website: www.vinhlongfood.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

- Địa chỉ: 63, Trần Khánh Dư, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM.
- Điện thoại : 84.8.3526 5796/7
- Fax : 84.8.3843 5590

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

- Địa chỉ: 67, Hàm Nghi, Quận 1, TP.HCM.
- Điện thoại: (84.8) 3914 3588
- Fax: (84-8) 3914 3209
- Website : www.vcsc.com.vn

**VII. PHỤ LỤC**

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết.
- 3. Phụ Lục III:** Các văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.
- 4. Phụ lục IV:** Báo cáo kiểm toán, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 và Báo cáo tài chính Quý II năm 2010.
- 5. Phụ lục V:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT.
- 6. Phụ lục VI:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010
- 7. Phụ lục VII:** Quyết định của Hội đồng quản trị đã thông qua hồ sơ và ủy quyền cho Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt nộp hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT- CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phan Thị Ánh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Hoàng

Trưởng Ban Kiểm soát

Trang Hữu Nghĩa

Kế toán Trưởng

Phan Ngọc Bình

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN- CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Tổng Giám Đốc



Tô Hải